



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang**

**CHỦ TỊCH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 1876/TTr-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Tặng thưởng:**

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất cho 645 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 20 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì cho 1391 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 15 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba cho 440 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

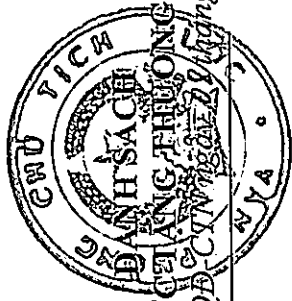
- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban TĐKT TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).

**KT. CHỦ TỊCH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



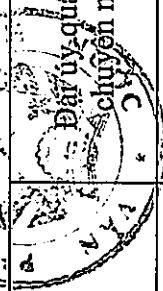
**Đặng Thị Ngọc Thịnh**


**CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM ĐỀ NGHỊ HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG**  
(Kèm theo Quyết định số: 181 /QĐ-CTN ngày 27 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch nước)



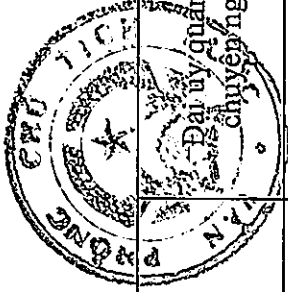
**I. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG NHẤT**


Số TT	Họ và tên	Cấp bậc	Đơn vị	Quê quán
1.	Nguyễn Trọng Liên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quản lý dự án, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
2.	Nguyễn Anh Tuấn	Thiếu tá	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Dư, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
3.	Nguyễn Văn Huy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ yếu, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đôn Nhân, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
4.	Bùi Việt Trung	Đại úy	Tiểu đoàn 23, Phòng Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
5.	Lê Ngọc Tuyên	Thiếu tá	Phòng Hậu cần, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
6.	Nguyễn Văn Sáng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm 1, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
7.	Nguyễn Mạnh Hùng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm 1, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

8.	Nguyễn Tư Niên	 Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm 2, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
9.	Vũ Xuân Thơ	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm 2, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
10.	Vũ Ngọc Tân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm 3, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
11.	Lâm Quang Thái	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm 3, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
12.	Phạm Văn Hùng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Định hướng 1, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
13.	Lê Bá Hải	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Định hướng 1, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
14.	Hoàng Thanh Tùng	Đại úy	Ban Chính trị, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
15.	Nguyễn Văn Tĩnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

16.	Nguyễn Minh Tuấn	 Thượng úy-quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng ra đa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
17.	Nguyễn Trung Cường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Đồi không-Định hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
18.	Dương Văn Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần-Hành chính, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
19.	Nguyễn Quang Quyết	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng sửa chữa tổng hợp phía Nam, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Máy Chai, quận Ngõ Quyền, thành phố Hải Phòng
20.	Đặng Việt Cường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
21.	Trần Ngọc Linh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
22.	Bùi Minh Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
23.	Bùi Đức Hữu	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
24.	Trần Văn Thao	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dị Ché, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
25.	Nguyễn Thế Mạnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

26.	Nguyễn Bá Sinh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
27.	Quách Cao Khấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
28.	Nguyễn Ngọc Phương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 77, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
29.	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
30.	Kiều Văn Quyết	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật - Hậu cần, Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Tiến, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
31.	Bùi Thanh Long	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật - Hậu cần, Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
32.	Trần Việt Dũng	Đại úy	Ban Kỹ thuật - Hậu cần, Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Ván, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
33.	Tăng Bá Trung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương




34.	Nguyễn Văn Hương	 Thiếu tá	Phòng Dẫn Đường, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
35.	Tạ Hùng	Thiếu tá	Phòng Dẫn Đường, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
36.	Nguyễn Anh Tuấn	Thiếu tá	Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
37.	Nguyễn Trần Hưng	Thiếu tá	Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
38.	Nguyễn Thị Hiền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
39.	Hoàng Diệp Hoa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
40.	Nguyễn Đức Nghĩa	Thiếu tá	Ban Công nghệ thông tin, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
41.	Nghiêm Văn Nhân	Thiếu tá	Tiểu đoàn Phòng hóa 23, Phòng Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
42.	Nguyễn Hữu Minh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Thông tin chỉ huy, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Kiên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
43.	Trần Mạnh Dũng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Dẫn hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

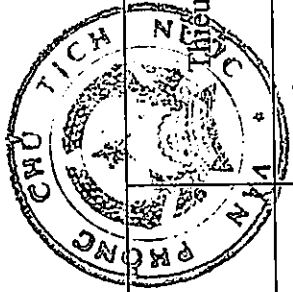
44.	Vũ Anh Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Dẫn hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
45.	Hoàng Đình Trình	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân Xưởng Cơ khí-Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
46.	Nguyễn Văn Quang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Dẫn hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
47.	Bùi Đức Vinh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Dẫn hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
48.	Nguyễn Văn Phú	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tiên Châu, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
49.	Hoàng Đức Hùng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
50.	Nguyễn Mạnh Cường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nam Cường, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
51.	Nguyễn Xuân Biên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình



52.	Trần Xuân Diệu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 77, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
53.	Nguyễn Thị Phương Nhung	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Dẫn Đường, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
54.	Nguyễn Công Thái	Thiếu tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
55.	Trần Văn Thắng	Trung tá	Ban Tổng kết lịch sử, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
56.	Nguyễn Bá Quảng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Mực tiêu bay, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
57.	Nguyễn Quang Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đũa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
58.	Nguyễn Đình Doanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
59.	Hồ Ngọc Vũ	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng sửa chữa tổng hợp phía Nam, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Xá, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
60.	Trần Duy Long	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Bản đồ, Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
61.	Lương Thanh Nghị	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Bản đồ, Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Đám Hà, huyện Đám Hà, tỉnh Quảng Ninh

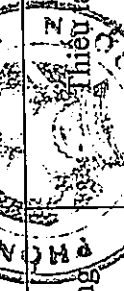


62.	Cao Ánh Dương		<p>Trung tâm Quốc gia huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Nam Hải, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
63.	Cao Sỹ Viên	Thiếu tá	<p>Ban Tham mưu - Kế hoạch, Trung tâm Quốc gia huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
64.	Đặng Đình Quang	Thiếu tá	<p>Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
65.	Đỗ Thị Hương Dịu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	<p>Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
66.	Bùi Việt Cường	Thiếu tá	<p>Phòng Cứu hộ - Cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
67.	Phạm Thị Anh Thư	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	<p>Trạm Quân bưu, Phòng Thông tin, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
68.	Nguyễn Hùng Cường	Thiếu tá	<p>Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
69.	Đồng Thị Xuân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	<p>Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

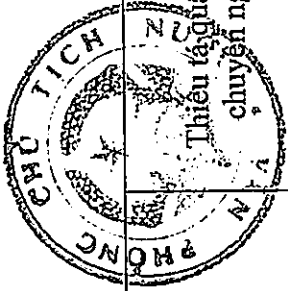


70.	Vũ Đăng Luyện	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Nghiên cứu - Tổng hợp, Trung tâm Trĩn sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
71.	Lê Thanh Bình	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
72.	Nguyễn Huy Hoàng	Thiếu tá	Phòng Quản huấn-Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
73.	Phạm Chí Nhân	Trung tá	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
74.	Nguyễn Xuân Trọng	Trung tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
75.	Nguyễn Đình Khâm	Thượng tá	Ban Chính trị, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Liên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
76.	Nguyễn Đình Hiền	Trung tá	Phân xưởng Cơ khí-Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
77.	Nguyễn Đình Vinh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ khí-Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
78.	Phạm Minh Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ khí-Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

79.	Bùi Văn Lối	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Mục tiêu bay, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
80.	Hoàng Thị Làn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn Phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
81.	Nguyễn Thị Thúy Đào	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
82.	Tống Văn Lam	Thượng tá	Phòng Thông tin, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
83.	Nguyễn Hữu Tiếp	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Dẫn hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
84.	Nguyễn Thị Hiến	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
85.	Trương Thị Hà	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên
86.	Đoàn Hồng Ngọc	Đại tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
87.	Quách Thanh Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình


88.	Nguyễn Toàn Thắng	 Thiếu tá	Phòng Công tác Quân chủng, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
89.	Lê Năng Thắng	Kiểm tra Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
90.	Lê Văn Cẩn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
91.	Nguyễn Hoàng Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
92.	Nguyễn Việt Minh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
93.	Trần Văn Mạnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hà, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
94.	Đặng Thành	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đoàn An điều dưỡng 20, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
95.	Nguyễn Mạnh Thắng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
96.	Mai Thanh Hòa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Bảo tàng Phòng không-Không quân, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
97.	Phạm Khắc Sang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Bảo tàng Phòng không-Không quân, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
98.	Lương Thị Hạnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Bảo tàng Phòng không-Không quân, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Phục, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương

99.	Trần Thị Lan Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
100.	Phạm Văn Vương	Trung tá	Phòng Dân vận, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
101.	Lê Thị Thu Hà	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tài chính, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
102.	Nguyễn Xuân Tùng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
103.	Hoàng Văn Hùng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần-Kỹ thuật, Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
104.	Trần Thị Vạn	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Kho K10, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
105.	Nguyễn Đức Học	Đại úy	Khoa Y học cổ truyền, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
106.	Đỗ Thị Phương Yên	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Xét nghiệm, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
107.	Lưu Cảnh Toàn	Thượng tá	Khoa Khám tuyến, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

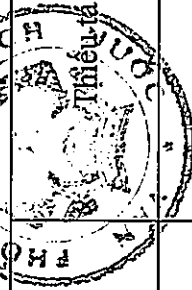


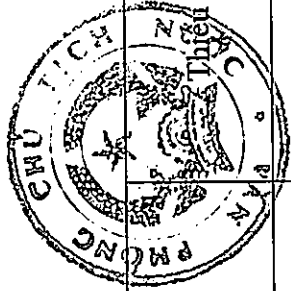
108.	Đặng Ngọc Linh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Vinh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
109.	Nguyễn Thị Phương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Quán nhu, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
110.	Hà Tường	Thiếu tá	Khoa Ngoại - Hồi sức cấp cứu, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
111.	Nguyễn Văn Hiếu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Quán nhu, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
112.	Dương Văn Thịnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
113.	Lê Văn Bảy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
114.	Đào Văn Thảo	Thiếu tá	Khoa Khám tuyến Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
115.	Nguyễn Việt Đức	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch tổng hợp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

116.	Trần Thị Quyên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Quân nhu, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
117.	Trương Thị Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diên Mỹ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
118.	Nguyễn Thị Lụa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
119.	Tạ Thị Hoa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
120.	Nguyễn Khánh Toàn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
121.	Mai Công Tráng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính-Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
122.	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Văn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
123.	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
124.	Lại Thanh Tùng	Thiếu tá	Phòng Chính trị, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

125.	Phạm Thành Đồng	 Thiếu tá	Phòng Chính trị, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
126.	Nguyễn Văn Việt	Thiếu tá	Phòng Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
127.	Nguyễn Quốc Thành	Thiếu tá	Phòng Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
128.	Đặng Xuân Trường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trờng Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
129.	Bùi Trần Thành	Thiếu tá	Phòng Ra đa, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
130.	Đỗ Ngọc Thắng	Thiếu tá	Phòng Ra đa, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
131.	Trần Vương Thảo	Thiếu tá	Phòng Thiết bị hàng không, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
132.	Bùi Tuấn Đạt	Thiếu tá	Phòng Thiết bị hàng không, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
133.	Phạm Văn Trường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Đai điều khiển - bộ phận, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
134.	Kiều Cao Chiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng xe máy-trạm nguồn điện, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

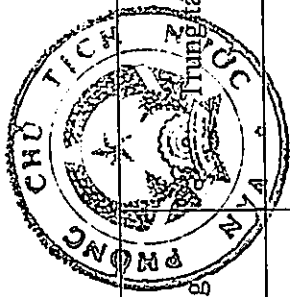


135.	Phạm Tiến Thế		Phân xưởng Tên lửa A72, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
136.	Đường Đức Vĩnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Đạn tên lửa, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
137.	Nguyễn Xuân Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu Cần, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
138.	Phan Thanh Đức	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
139.	Dương Đức Cảnh	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
140.	Nguyễn Văn Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
141.	Trịnh Văn Hùng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
142.	Nguyễn Khắc Tường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Bộ phóng tên lửa, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
143.	Trần Đình Tâm	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội



144.	Vũ Quốc Dũng	Đại úy tá	Phòng KCS, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
145.	Nguyễn Văn Cường	Đại úy	Phòng Tài chính, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
146.	Nguyễn Hồng Anh	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
147.	Nguyễn Sơn Đông	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
148.	Nguyễn Thái Bình	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Ché, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
149.	Nguyễn Tiến Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
150.	Phan Thanh Quang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Phúc, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
151.	Trịnh Minh Thăng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
152.	Hoàng Văn Cảnh	Thiếu tá	Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cách Bì, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
153.	Nguyễn Lê Chính	Thiếu tá	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

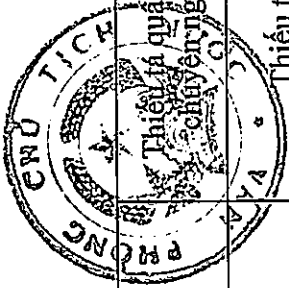
154.	Nguyễn Thanh Giang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
155.	Vũ Huy Diễn	Thiếu tá	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
156.	Vũ Đình Thành	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
157.	Ngô Mậu Phú	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
158.	Bùi Hữu Đại	Thiếu tá	Trạm Kiểm thử - Bay thử, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
159.	Nguyễn Thế Nghiệp	Thiếu tá	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tiên Châu, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
160.	Nguyễn Quốc Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
161.	Nguyễn Ngọc Thế	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
162.	Nguyễn Văn Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
163.	Nguyễn Gia Lộc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hòa, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh



164.	Nguyễn Mạnh Sáng	Thiếu tá	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
165.	Bùi Trọng Mùi	Thiếu tá	Ban Chính trị, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
166.	Lê Bá Thư	Trung tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
167.	Trịnh Viết Thường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
168.	Nguyễn Đức Cường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính hậu cần, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
169.	Đỗ Văn Tấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Phương, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
170.	Trần Văn Hòa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
171.	Mai Thanh Hoàng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
172.	Lương Anh Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thửa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
173.	Nguyễn Thanh Sơn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

174.	Đình Vũ Long	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
175.	Tạ Đức Tiến	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
176.	Tạ Văn Quảng	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
177.	Hà Văn Tú	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
178.	Ngô Đức Long	Thiếu tá	Phân xưởng 6, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
179.	Đỗ Kiên Chính	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
180.	Lỗ Bá Kiên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tự Lập, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
181.	Phạm Ngọc Đức	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
182.	Lê Thanh Khuyển	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
183.	Phạm Ngọc Quý	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
184.	Trần Văn Đức	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ An, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

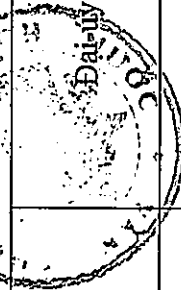
185.	Lê Minh Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
186.	Vũ Văn Hôn	Thiếu tá	Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
187.	Trần Văn Đạt	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
188.	Lại Bá Toàn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật Tư, Nhà Máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
189.	Ngô Huy Hoàng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
190.	Chu Văn Hải	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
191.	Phạm Minh Hải	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
192.	Nguyễn Quang Khải	Thiếu tá	Phân xưởng 10, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
193.	Thái Doãn Hoàng	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
194.	Hà Tiến Vận	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

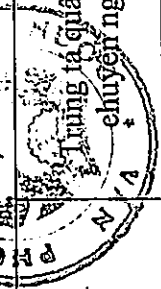


195.	Tạ Văn Lực	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
196.	Nguyễn Huy Hoàng	Trung tá	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
197.	Nguyễn Mạnh Phóng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
198.	Nguyễn Văn Chung	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyệt Đứ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
199.	Nguyễn Đức Duy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ điện, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Duyệt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
200.	Nguyễn Văn Cảnh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
201.	Cao Hoàng Long	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
202.	Nguyễn Thị Mươi	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
203.	Phạm Huy Mạnh	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
204.	Hồ Hữu Chính	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An


205.	Phạm Đức Ngọc Cường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
206.	Phạm Hồng Hải	Thiếu tá	Ban Chính trị, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
207.	Lương Trọng Hưng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
208.	Nguyễn Văn Huyền	Thiếu tá	Ban Chính trị, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
209.	Trần Khắc Nam	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
210.	Nguyễn Văn Nghị	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
211.	Nguyễn Việt Hùng	Thiếu tá	Phòng KCS, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
212.	Vũ Đức Tân	Thiếu tá	Phân xưởng 2, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
213.	Ngô Văn Tập	Thiếu tá	Phân xưởng 6, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang



214.	Đào Xuân Thành	 Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
215.	Nguyễn Văn Tho	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
216.	Dương Văn Thuyền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
217.	Nguyễn Văn Thường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
218.	Nguyễn Hồng Sơn	Thiếu tá	Phòng Kiểm tra chất lượng, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
219.	Phạm Văn Hùng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
220.	Nguyễn Kim Thăng	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ba Hàng, thị xã Phó Yên, tỉnh Thái Nguyên
221.	Đào Trung Dũng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

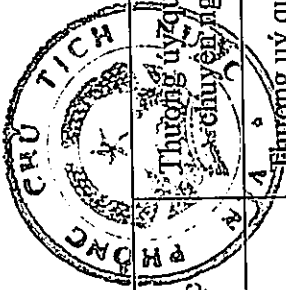
222.	Đào Xuân Triều	 Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
223.	Đình Duy Long	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
224.	Bùi Hữu Mạnh	Đại úy	Ban Chính trị, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
225.	Phạm Trọng Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
226.	Bùi Thăng Bình	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
227.	Nguyễn Văn Đông	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
228.	Phạm Thế Hanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
229.	Nguyễn Văn Huân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
230.	Nguyễn Văn Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
231.	Nguyễn Danh Thanh	Thiếu tá	Phân kho 3, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

232.	Nguyễn Văn Thăng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
233.	Vũ Văn Ngọc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
234.	Nguyễn Mạnh Quân	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
235.	Đỗ Công Hào	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
236.	Phạm Lưu Phương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
237.	Nguyễn Văn Tuấn	Đại úy	Phân kho 3, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
238.	Phùng Huy Khang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
239.	Khuất Duy Thành	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 11, Kho K312 Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
240.	Phí Anh Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
241.	Bùi Đình Luật	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
242.	Đình Văn Hoàn	Thiếu tá	Ban Hậu cần, Kho K312 Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

243.	Nguyễn Thị Hào	 Trưởng tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
244.	Lê Văn Lý	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
245.	Phan Ngọc Dương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
246.	Lê Văn Quyết	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
247.	Phan Hồng Thái	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bàn Gián, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
248.	Vì Đức Dương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
249.	Phạm Văn Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
250.	Kiều Đình Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
251.	Dương Văn Sỹ	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
252.	Dương Đức Nguyễn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 38, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
253.	Nguyễn Khắc Phong	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bàn Nguyễn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

254.	Nguyễn Gia Lực	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
255.	Trần Trọng Sâm	Thiếu tá	Phân kho 1, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
256.	Lê Quý Đôn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
257.	Tô Mạnh Dũng	Thiếu tá	Phân kho 1, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Phương, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
258.	Đường Hoài	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
259.	Trần Duy Vĩnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
260.	Nguyễn Văn Hoàng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
261.	Đỗ Minh Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
262.	Đình Công Mạnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
263.	Lê Như Duân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
264.	Lê Văn Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

265.	Nguyễn Văn Được	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K333, Cục Kỹ thuật Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
266.	Lê Hữu Đạt	Phượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
267.	Ngô Minh Dương	Trung tá	Ban Kế hoạch, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
268.	Vũ Văn Hiệp	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
269.	Hoàng Thị Liên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
270.	Phạm Duy Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
271.	Nguyễn Thị Thảo	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
272.	Lê Thị Thủy Nam	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
273.	Phan Khắc Khoa	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
274.	Nguyễn Văn Hào	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
275.	Nguyễn Xuân Kế	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa



276.	Bùi Đình Vở	Đại lý quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
277.	Bùi Đức Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
278.	Lê Văn Danh	Thiếu tá	Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Thư, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
279.	Đặng Xuân Minh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
280.	Tạ Quang Hà	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
281.	Lê Trung Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Hà, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
282.	Nguyễn Thị Tuyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Cục Phòng không lục quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
283.	Phạm Công Dũng	Thiếu tá	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
284.	Nguyễn Trọng Quý	Trung tá	Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
285.	Đào Tiến Sĩ	Trung tá	Ban Cán bộ, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
286.	Bùi Quang Lực	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

287.	Lê Chí Công	Đại úy/quản nhân chuyên nghiệp	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
288.	Trịnh Thế Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 9, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
289.	Nguyễn Văn Bình	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 9, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
290.	Ngô Thái Hòa	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
291.	Nguyễn Đăng Tuấn	Thiếu tá	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lăng Công, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
292.	Lê Ngọc Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
293.	Lê Ngọc Tháp	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
294.	Uông Việt Phương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
295.	Đặng Đình Long	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
296.	Nguyễn Thị Liễu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An
297.	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình



298.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
299.	Vũ Hoàng Long	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
300.	Trần Hán Trường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
301.	Vũ Quang Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
302.	Bùi Nữ Lệ Huyền	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
303.	Phạm Hùng Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
304.	Mai Cảnh Toàn	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
305.	Nguyễn Trung Phong	Trung tá	Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
306.	Hoàng Thị Hằng Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
307.	Hoàng Bá Khiêm	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
308.	Nguyễn Hùng Vĩ	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Phong, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

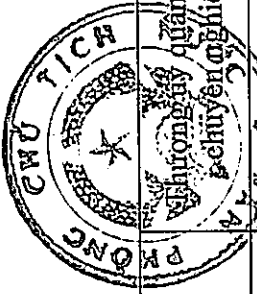
309.	Huỳnh Văn Hưng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho An Lạc, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
310.	Phạm Huy Chính	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Cây Xanh, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
311.	Lê Thanh Tùng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Hòa Sơn, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
312.	Kiều Hữu Thái	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
313.	Đặng Huy Thanh	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
314.	Nguyễn Đức Chiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
315.	Đỗ Văn Năng	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Hà, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
316.	Nguyễn Đức Thuận	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
317.	Nguyễn Thị Huyền Ngọc	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
318.	Đỗ Văn Hoan	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
319.	Nguyễn Mạnh Dũng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

320.	Đinh Thị Thu Hiền	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
321.	Phạm Xuân Định	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
322.	Nguyễn Văn Phong	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
323.	Phạm Minh Hóa	Trung tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
324.	Đào Tuấn Hạnh	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
325.	Nguyễn Đình Thu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 26, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
326.	Trương Văn Công	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
327.	Trần Tráng Kiên	Thiếu tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
328.	Nguyễn Văn Thực	Thiếu tá	Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
329.	Vũ Viết Tình	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
330.	Nguyễn Minh Hoan	Thiếu tá	Đại đội 3, Tiểu đoàn 65, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

331.	Bùi Tuấn Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
332.	Phan Công Bình	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 61 Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
333.	Phạm Quang Nghị	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
334.	Lê Công Thuận	Trung tá	Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
335.	Trần Đình Sơn	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
336.	Vi Hồng Quân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Q uân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
337.	Hoàng Văn Kim	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
338.	Đỗ Như Luật	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 155, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quài Càng, huyện Tuấn Giáo, tỉnh Điện Biên
339.	Ngô Văn Thông	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
340.	Nguyễn Thị Hải Đường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sù Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
341.	Trần Quốc Toán	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Tiến, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

342.	Thái Đình Chiêu	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 151, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
343.	Vũ Anh Sơn	Trung tá	Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
344.	Lê Dũng Tiến	Trung tá	Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
345.	Bùi Dương Nam	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
346.	Nguyễn Văn Chiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 78, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Phong, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
347.	Đặng Văn Chí	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 78, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Định, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
348.	Trần Văn Sản	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
349.	Trần Quốc Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
350.	Nguyễn Minh Trung	Thiếu tá	Ban Hậu cần, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
351.	Nguyễn Thành Trung	Thiếu tá	Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

352.	Nguyễn Quốc Dũng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
353.	Ngô Trường Lưu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
354.	Trần Thanh Huyền	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
355.	Nguyễn Trọng Văn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
356.	Lương Thiện Căn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
357.	Lê Quang Ngọc	Thiếu tá	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
358.	Nguyễn Minh Tâm	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
359.	Hoàng Đình Vinh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
360.	Lê Xuân Tỉnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
361.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
362.	Bùi Văn Thắng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam



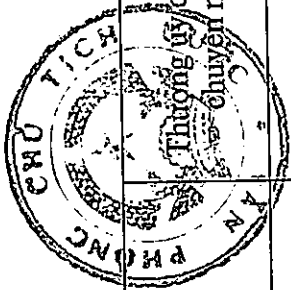
363.	Đặng Văn Hanh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
364.	Hoàng Minh Đức	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lâm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
365.	Đặng Đình Thịnh	Đại úy	Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Lăng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
366.	Phạm Đình Trọng	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
367.	Lương Công Nhiên	Trung tá	Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
368.	Vũ Văn Hữu	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
369.	Nguyễn Quang Anh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 71, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
370.	Vũ Đức Tùng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Thành, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
371.	Đỗ Xuân Hường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
372.	Nguyễn Thị Thắm	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

373.	Đào Xuân Trung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
374.	Tăng Đức Việt	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 73, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
375.	Trần Văn Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 72, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
376.	Nguyễn Thị An	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 73, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
377.	Nguyễn Đức Hiền	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
378.	Nguyễn Xuân Đệ	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 71, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
379.	Nguyễn Văn Mão	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Cách, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
380.	Trần Văn Hữu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
381.	Nguyễn Văn Dinh	Thiếu tá	Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
382.	Nguyễn Hồng Quang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trần Hưng Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
383.	Bùi Văn Tân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng



384.	Vũ Văn Vượt	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
385.	Trần Anh Đức	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
386.	Nguyễn Văn Chiến	Thiếu tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
387.	Mai Văn Nguyễn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 185, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
388.	Phạm Văn Quang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 185, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
389.	Nguyễn Tất Thắng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
390.	Nguyễn Quỳnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
391.	Phan Hữu Thức	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
392.	Trịnh Công Cường	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
393.	Trần Quang Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

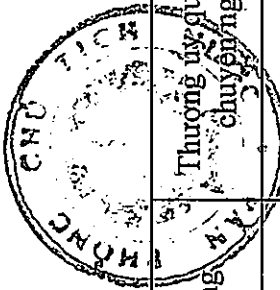
394.	Phạm Văn Tài	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
395.	Lê Thế Khánh	Thiếu tá	Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
396.	Phạm Hồng Hải	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
397.	Nguyễn Văn Hào	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
398.	Lê Trung Liên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 82, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
399.	Nguyễn Trọng Tài	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 81, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
400.	Trần Văn Hưng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 81, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
401.	Phạm Tuấn Hùng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
402.	Nguyễn Văn Tới	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
403.	Nguyễn Văn Đặng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương




404.	Lê Quang Hoat	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 3, Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
405.	Phạm Ngọc Hiếu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
406.	Bùi Mạnh Hà	Trung tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
407.	Vũ Hồng Thao	Trung tá	Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
408.	Trần Văn Huân	Thiếu tá	Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
409.	Tạ Nguyễn Thông	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 172, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
410.	Lê Xuân Hoàn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
411.	Hoàng Văn Hậu	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
412.	Trần Văn Lâm	Trung tá	Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
413.	Hà Văn Hiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

414.	Nguyễn Hồng Quang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
415.	Đào Anh Tuấn	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
416.	Nguyễn Hữu Minh	Thiếu tá	Đại đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
417.	Mai Văn Diễn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
418.	Lê Doãn Đức	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
419.	Nguyễn Bá Tráng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
420.	Nguyễn Văn Toàn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
421.	Phạm Văn Khánh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
422.	Nguyễn Văn Khoa	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
423.	Hoàng Tiến Minh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Kỳ, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
424.	Trần Trọng Thế	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

425.	Nguyễn Văn Kháng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
426.	Nguyễn Bá Hà	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đình Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
427.	Tống Văn Tuyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 28, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
428.	Lại Huy Trung	Thiếu tá	Trạm Ra đa 28, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
429.	Trần Sỹ Đức	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Vĩnh Yên, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
430.	Biện Văn Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
431.	Nguyễn Văn Hoài	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
432.	Lê Minh Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
433.	Lê Văn Thông	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
434.	Nghiêm Quốc Đại	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
435.	Phạm Khánh Toàn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương



436.	Nguyễn Văn Vũ	 Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
437.	Nguyễn Thành Sơn	Thượng tá	Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
438.	Nguyễn Cảnh Đình	Thiếu tá	Phòng Hậu cần, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
439.	Bùi Văn Thạch	Thiếu tá	Phòng Hậu cần, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Thanh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
440.	Đỗ Thị Thu Hà	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Long, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
441.	Nguyễn Trọng Thắng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
442.	Vũ Hồng Quang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm kỹ thuật, Phòng kỹ thuật, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng Không - Không Quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
443.	Đỗ Văn Minh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
444.	Nguyễn Hải Thanh	Thiếu tá	Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
445.	Nguyễn Như Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
446.	Nguyễn Chí Tuyên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

447.	Trần Văn Hiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
448.	Bùi Xuân Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
449.	Vũ Văn Minh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 75, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
450.	Hoàng Phó Truật	Trung tá	Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
451.	Trần Văn Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
452.	Lại Bá Hạnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn bộ, Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
453.	Đào Văn Huân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 82, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Văn, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
454.	Nguyễn Văn Hồng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 82, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
455.	Vũ Văn Tuấn	Thiếu tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
456.	Nguyễn Bá Đại	Thiếu tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

457.	Trần Quang Hiệp	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
458.	Nguyễn Thị Vân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
459.	Lý Thế Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
460.	Ngô Văn Tự	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
461.	Đặng Tiến Định	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 21, Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
462.	Phạm Văn Thạo	Trung tá	Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
463.	Nguyễn Văn Đạt	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
464.	Nguyễn Đức Đông	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
465.	Tô Đình Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tây Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
466.	Vũ Quang Hưng	Trung tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
467.	Lê Văn Quang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam



468.	Trần Hoài Nam	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Xuyên, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
469.	Lê Văn Đô	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chu Phan, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
470.	Dương Trọng Đạt	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
471.	Đàm Đức Xanh	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Quang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
472.	Nguyễn Văn Khuyến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Châu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
473.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
474.	Nguyễn Văn Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
475.	Nguyễn Anh Tĩnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
476.	Nguyễn Tiến Sơn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
477.	Nguyễn Hữu Toàn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
478.	Nguyễn Văn Khoát	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

479.	Ngô Văn Dũng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 22, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
480.	Trần Hoài Nam	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 22, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chu Phan, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
481.	Bùi Anh Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
482.	Phạm Trí Vũ	Đại úy	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
483.	Phan Văn Biên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
484.	Trần Ngọc Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
485.	Nguyễn Viết Tuyên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
486.	Trần Danh Tuyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
487.	Nguyễn Văn Chuyên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 122, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hùng, huyện Qué Võ, tỉnh Bắc Ninh
488.	Trịnh Ngọc Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 125, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trảng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
489.	Nguyễn Văn Kiên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

490.	Lê Văn Cường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
491.	Thân Văn Huy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
492.	Trần Hồng Xuân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
493.	Nguyễn Văn Phương	Trung tá	Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
494.	Vĩ Đức Chín	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 32, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
495.	Quách Hồng Kiên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
496.	Nguyễn Khắc Mẫn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
497.	Phạm Trọng Phong	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
498.	Phạm Văn Vượng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
499.	Nguyễn Văn Linh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
500.	Nguyễn Hải Thanh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 31, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

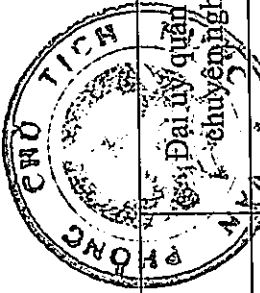
501.	Lương Đức Hoán	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
502.	Lê Tiến Đài	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 31, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
503.	Đình Nam Cao	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chí Tháo, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
504.	Lê Đồng Tân	Đại úy	Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
505.	Lê Trọng Hoàng	Đại úy	Đại đội 9, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
506.	Nguyễn Đức Ứng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
507.	Vũ Tiến Hưng	Đại úy	Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
508.	Tiêu Công Đàm	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tổ chức, Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
509.	Đặng Trung Thiết	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
510.	Bùi Văn Thế	Thiếu tá	Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
511.	Lương Văn Hùng	Thiếu tá	Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

512.	Lê Hữu Lý		Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
513.	Nguyễn Văn Tĩnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 122, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
514.	Nguyễn Kim Tiếp	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
515.	Vũ Văn Trọng	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
516.	Nguyễn Hữu Bằng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
517.	Đỗ Văn Khang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
518.	Trần Văn Thượng	Trung tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
519.	Nguyễn Văn Huỳnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đả 31, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
520.	Nguyễn Văn Hùng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
521.	Nguyễn Quang Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đả 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quán chũng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

522.	Nguyễn Đức Hạnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đũa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
523.	Nguyễn Đình Quân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
524.	Hoàng Chung	Trung tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
525.	Trần Minh Cường	Trung tá	Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hương, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
526.	Nguyễn Quang Tùy	Thiếu tá	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
527.	Mạc Xuân Thành	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
528.	Nguyễn Huy Chương	Thượng tá	Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
529.	Nguyễn Văn Mạnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
530.	Nguyễn Văn Pha	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
531.	Nguyễn Văn Duyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
532.	Trần Văn Triệu	Thiếu tá	Ban Cán bộ, Phòng Chính trị, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

533.	Nguyễn Văn Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
534.	Nguyễn Văn Huân	Thiếu tá	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
535.	Phạm Đức Thanh	Thiếu tá	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Cường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
536.	Nguyễn Đức Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
537.	Nguyễn Khắc Phúc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Xăng dầu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đình Chu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
538.	Nguyễn Văn Vọng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
539.	Phương Công Huy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
540.	Nguyễn Đình Thành	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
541.	Đặng Xuân Quý	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Ván, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
542.	Bùi Văn Tại	Trung tá	Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
543.	Hoàng Mạnh Hùng	Thiếu tá	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

544.	Hoàng Xuân Hồng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
545.	Hoàng Thanh Long	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Phương, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
546.	Nguyễn Hải Long	Đại úy	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
547.	Nguyễn Văn Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
548.	Nguyễn Đức Mạnh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
549.	Phạm Quang Huy	Thiếu tá	Ban Quân huấn, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
550.	Phạm Anh Tuấn	Thiếu tá	Ban Quân huấn, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
551.	Sầm Nhân Khánh	Đại úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
552.	Nguyễn Văn Hoàng	Trung tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định



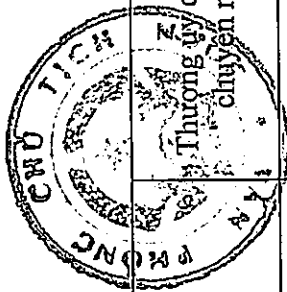


553.	Vũ Song Toàn	Thiếu tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
554.	Đỗ Văn Thưởng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
555.	Lê Thành Công	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
556.	Phương Công Ảnh	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
557.	Vũ Huy Định	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
558.	Trần Văn Hai	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Hà, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
559.	Phạm Hồng Kiên	Trung tá	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trọng Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
560.	Trần Quang Tuấn	Thiếu tá	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
561.	Nguyễn Viêt Phong	Thiếu tá	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tái Sơn, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
562.	Lê Đức Đỉnh	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

563.	Kiều Huy Văn	Đầu ủy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
564.	Trịnh Nguyễn Cường	Thiếu tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
565.	Ngô Trung Kiên	Thiếu tá	Trạm Chuẩn bị tên lửa, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
566.	Dương Xuân Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Phong, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
567.	Hoàng Văn Long	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xăng dầu, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
568.	Đỗ Mạnh Toàn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin Bảo đảm bay, Tiểu đoàn Thông tin Ra đi, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hạnh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
569.	Lại Thế Công	Thiếu tá	Tiểu đoàn Thông tin Ra đi, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
570.	Nhâm Hồng Lĩnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin Ra đi, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

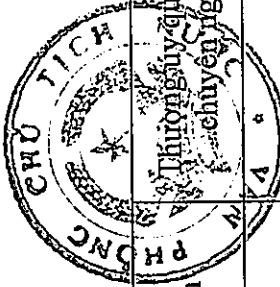
571.	Nguyễn Thái Giang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
572.	Chu Ngọc Tân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thửa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
573.	Phạm Văn Thuận	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
574.	Nguyễn Huy Bình	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
575.	Trần Văn Long	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Kiên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
576.	Phạm Văn Trình	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Trị, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
577.	Nguyễn Ngọc Lan	Thiếu tá	Ban Quân huấn, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Hiệp, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
578.	Ngô Sỹ Tâm	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
579.	Trần Quốc Bảo	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
580.	Lê Anh Tú	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

581.	Trịnh Sơn Hà	Thượng úy/quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
582.	Nguyễn Đức Thuận	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
583.	Phạm Văn Huân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
584.	Lê Đình Chung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
585.	Nguyễn Ngọc Ninh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
586.	Phạm Lê Du	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
587.	Phan Mạnh Hà	Thiếu tá	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
588.	Trần Cao Quán	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
589.	Bùi Văn Nhựt	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
590.	Chu Tất Khánh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa



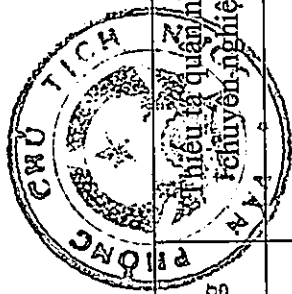
591.	Nguyễn Văn Tiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
592.	Đào Văn Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim An, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
593.	Ngô Quang Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
594.	Phạm Đức Trung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 60, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
595.	Lê Phú Thanh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
596.	Tống Mạnh Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
597.	Lê Hữu Đoàn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
598.	Vũ Mạnh Hồng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Văn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

599.	Nguyễn Văn Thịnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
600.	Vũ Thanh Kiểm	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
601.	Trịnh Thế Anh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
602.	Nguyễn Văn Quê	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
603.	Lê Văn Thuật	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Anh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
604.	Nguyễn Hồng Ninh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
605.	Trần Văn Phú	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
606.	Vũ Minh Lương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
607.	Nguyễn Trung Kiên	Thiếu tá	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
608.	Nguyễn Đức Hòa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội




609.	Giáp Văn Sáng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 43, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
610.	Nguyễn Hữu Nghĩa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
611.	Nguyễn Văn Công	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Bảo đảm kỹ thuật mặt đất, Ban kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
612.	Bùi Văn Quang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Bảo đảm kỹ thuật mặt đất, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Toàn Sơn, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình
613.	Trương Đức Kiên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương, Ban kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
614.	Nguyễn Văn Sơn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
615.	Trần Ngọc Quyền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
616.	Đỗ Trung Dũng	Thiếu tá	Ban Chính trị, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
617.	Trần Mạnh Hùng	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ba Hàng, thị xã Phó Yên, tỉnh Thái Nguyên

618.	Nguyễn Thanh Quang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
619.	Nguyễn Hữu Chính	Thiếu tá	Trạm Chuẩn bị tên lửa, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
620.	Chu Quốc Khánh	Trung tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
621.	Nguyễn Duy Luật	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
622.	Lê Sỹ Văn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tùng Anh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
623.	Phạm Văn Trọng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
624.	Trần Văn Ngọc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
625.	Nguyễn Nam Giang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
626.	Nguyễn Đình Khánh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quỳnh Xuân, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An





627.	Trần Quốc Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
628.	Nguyễn Văn Điệp	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
629.	Nguyễn Hữu Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
630.	Nguyễn Hoài Linh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh-Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
631.	Trương Đình Thi	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương hàng không, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
632.	Đặng Đình Vụ	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương hàng không, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

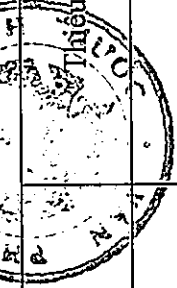
633.	Đỗ Minh Toan	 Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Lưu, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội
634.	Nhâm Tuấn Anh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
635.	Hà Hồng Quang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Sân bay Cát Bi, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
636.	Phạm Văn Cường	Thiếu tá	Trạm Ra đa cảnh giới dẫn đường, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
637.	Nguyễn Thế Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương hàng không, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
638.	Nguyễn Khắc Điệp	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương hàng không, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

639.	Trương Khánh Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp-Xăng dầu, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
640.	Tạ Huy Minh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiến Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
641.	Nguyễn Ngọc Bình	Thiếu tá	Đại đội 3, Tiểu đoàn Huấn luyện, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
642.	Nguyễn Chí Dũng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Huấn luyện, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
643.	Vũ Ngọc Cương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Huấn luyện, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
644.	Nguyễn Đức Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nà Sản, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
645.	Vũ Như Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nà Sản, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

## II. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VÀ VANG HẠNG NHÌ

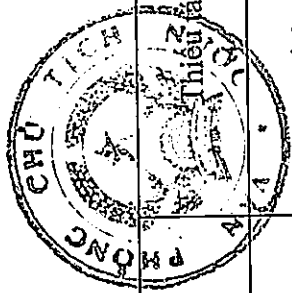
Số TT	Họ và tên	CHỨC VỤ	Đơn vị	Quê quán
1.	Đào Công Trường	Đại úy	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
2.	Nguyễn Thành Trung	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội Dự báo khí tượng, Phòng khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
3.	Nguyễn Tiến Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội Dự báo khí tượng, Phòng khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
4.	Nguyễn Văn Quyền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội Dự báo khí tượng, Phòng khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thăng Long, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
5.	Nguyễn Xuân Diện	Đại úy	Đội Dự báo khí tượng, Phòng khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Trà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
6.	Bùi Đức Phong	Đại úy	Phòng Chính trị, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
7.	Đỗ Mạnh Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ yếu, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Tân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
8.	Vũ Kim Duy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Phòng hóa 23, Phòng Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương



9.	Hoàng Văn Hiếu	 Chiếu tá	Phòng Khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
10.	Cao Duy Tiến	Đại úy	Phòng Tham mưu, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
11.	Đặng Quang Minh	Thượng úy	Phòng Tham mưu, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
12.	Trần Văn Tài	Đại úy	Phòng Chính trị, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
13.	Lê Thanh Tùng	Đại úy	Phân xưởng sửa chữa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
14.	Hoàng Văn Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng sửa chữa, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
15.	Vũ Minh Tùng	Đại úy	Phòng Công binh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Huệ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
16.	Nguyễn Thị Nhung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thạch, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
17.	Nguyễn Thị La	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

18.	Nguyễn Văn Trường	Trung úy, quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
19.	Đỗ Ngọc Sê	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
20.	Mai Văn Vinh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
21.	Nguyễn Đức Dương	Đại úy	Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
22.	Lương Văn Cảnh	Đại úy	Đại đội Vệ binh 1, Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
23.	Mai Văn Quyết	Đại úy	Đại đội Vệ binh 2, Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
24.	Nguyễn Bá Hà	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
25.	Vũ Thị Kim Liên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
26.	Vương Công Huy	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 77, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Ước, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội

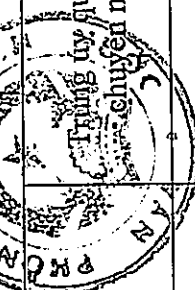
27.	Trần Văn Kiên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 77, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Giao Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
28.	Phan Trọng Ước	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 77, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
29.	Nguyễn Văn Thái	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
30.	Nguyễn Đình Lương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật - Hậu cần, Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
31.	Nguyễn Thị Anh Thơ	Thiếu tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Phong, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
32.	Lê Đức Oai	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Thông tin, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
33.	Nguyễn Văn Đại	Đại úy	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tây Trụ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
34.	Bùi Ngọc Đăng	Thiếu tá	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
35.	Mai Trung Kiên	Đại úy	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam




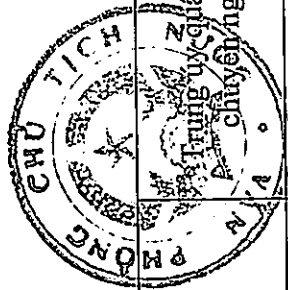
36.	Phạm Quyết		Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
37.	Nguyễn Đình Tuấn	Đại úy	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
38.	Thái Văn Túy	Thiếu tá	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Ủy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
39.	Vũ Đình Thuận	Thiếu tá	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
40.	Nguyễn Văn Thái	Thiếu tá	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngự Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
41.	Nguyễn Ngọc Luân	Thiếu tá	Phòng Điều tra hình sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Vi, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
42.	Nguyễn Văn Tuấn	Đại úy	Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 1, Phòng Điều tra hình sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
43.	Nguyễn Cơ Thạch	Đại úy	Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2, Phòng Điều tra hình sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tinh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
44.	Trịnh Xuân Nam	Đại úy	Phòng Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
45.	Nguyễn Xuân Cảnh	Thiếu tá	Phòng Khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội



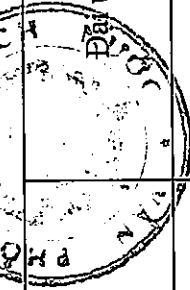
46.	Trần Duy Long	Chiều tá	Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
47.	Nguyễn Quang Huy	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trung Trắc, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
48.	Nguyễn Hữu Đoàn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Mực tiêu bay, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
49.	Lê Quang Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
50.	Lương Đình Thương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
51.	Trần Văn Luyện	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ Khí - Cơ Điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Hà, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
52.	Nguyễn Duy Tân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đan Thượng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
53.	Hoàng Tiến Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
54.	Nguyễn Sỹ Trung	Đại úy	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang


55.	Trịnh Ngọc Quyết	 Trưởng ủy ban nhân dân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
56.	Lê Văn Tiến	Đại úy	Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
57.	Nguyễn Danh Đô	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 77, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Phượng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
58.	Nguyễn Thị Làn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
59.	Nguyễn Đăng Văn Tiên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
60.	Nguyễn Khánh Hòa	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
61.	Hồ Thị Minh Huệ	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tài chính, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
62.	Nguyễn Tiến Dũng	Đại úy	Phòng Quản lý vùng trời, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
63.	Lê Thị Tân	Công nhân viên chức quốc phòng	Trạm khách 88, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

64.	Lê Xuân Học	 Đại úy	Phòng Quản lý điều hành bay, Bộ Tham mưu, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
65.	Nguyễn Huy Khang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
66.	Lê Thanh Hải	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
67.	Nguyễn Văn Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
68.	Nguyễn Tiến Thành	Thiếu tá	Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
69.	Hoàng Thị Phương Thu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
70.	Vũ Quốc Phrong	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Thông tin chỉ huy, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
71.	Trần Đình Luyện	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Thông tin chỉ huy, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
72.	Nguyễn Tiến Luân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Biên Giang, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



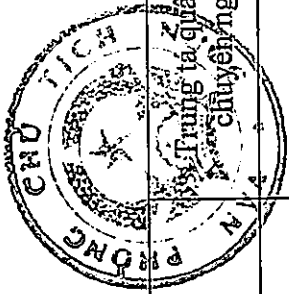
73.	Vi Thành Long	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Cơ Khí - Cơ Điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
74.	Nguyễn Duy Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân Xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
75.	Nguyễn Thị Bích Thùy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
76.	Doãn Đình Hiến	Đại úy	Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
77.	Nguyễn Minh Đức	Đại úy	Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
78.	Ngô Đình Huy	Đại úy	Phòng Khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
79.	Nguyễn Mạnh Thắng	Thiếu tá	Phòng Hậu cần, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ứng Hòe, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
80.	Trịnh Văn Lợi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
81.	Đặng Văn Bích	Đại úy	Phân xưởng 4, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
82.	Nguyễn Hải Thanh	Đại úy	Phòng Tác chiến điện tử, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

83.	Hà Huy Toán	 Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Kỳ, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
84.	Phạm Hồng Phương	Thiếu tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Việt Hưng, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh
85.	Nguyễn Anh Quyền	Thiếu tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
86.	Trương Văn Thắng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Đức, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên
87.	Nguyễn Thị Mai	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần, Trung tâm Trình sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
88.	Nguyễn Tùng Lâm	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý dự án VQ2, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
89.	Nguyễn Thị Thúy Hà	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn Phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
90.	Nguyễn Huy Hoàng	Thiếu tá	Phân xưởng Đồi không-Định hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
91.	Nguyễn Trung Nguyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ yếu, Bộ Tham mưu, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

92.	Nguyễn Xuân Trọng	 Thượng tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
93.	Phạm Thị Mười	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tài chính, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
94.	Tống Văn Lam	Thượng tá	Phòng Thông tin, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
95.	Nguyễn Thị Huyền	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần, Trung tâm Trình sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đan Thượng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
96.	Trần Thu Hòa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trần Hưng Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
97.	Nguyễn Hữu Tiếp	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Dẫn hướng, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
98.	Mai Thị Tuyết Thanh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
99.	Bùi Văn Lới	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Mục tiêu bay, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trưng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
100.	Nguyễn Thị Xuyên	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch - Vật tư, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

101.	Hồ Việt Hoa	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch-Vật tư, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
102.	Nguyễn Thị Thanh Cẩm	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch - Vật tư, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
103.	Nguyễn Đình Hiền	Trung tá	Phân xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
104.	Nguyễn Đình Vinh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
105.	Phạm Minh Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
106.	Trương Thị Phương Thúy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần - Hành chính, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
107.	Phan Thị Huyền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng sửa chữa tổng hợp phía Nam, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
108.	Nguyễn Xuân Quý	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng sửa chữa tổng hợp phía Nam, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng


109.	Nguyễn Thị Hiến	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
110.	Nguyễn Thị Thủy Đào	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
111.	Đỗ Kim Thê	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Công, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
112.	Trương Thị Hà	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên
113.	Ngô Thị Anh	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Thành, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
114.	Phạm Thị Trung	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
115.	Hoàng Thị Làn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
116.	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	XãSEA Phương, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
117.	Nguyễn Huy Hoàng	Thiếu tá	Phòng Quân huấn-Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình





118.	Lê Thị Hiệu	Đại úy/quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn Phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
119.	Bùi Thị Làn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
120.	Vũ Văn Nền	Thiếu tá	Phòng Quân báo, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
121.	Đình Văn Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân	Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
122.	Quách Thanh Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
123.	Nguyễn Toàn Thắng	Thiếu tá	Phòng Công tác Quân chủng, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
124.	Mai Văn Bảo	Đại úy	Phòng Công tác Quân chủng, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
125.	Phạm Xuân Trường	Đại úy	Phòng Công tác Quân chủng, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
126.	Lê Thị Thu Hà	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tài chính, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
127.	Trịnh Văn Biên	Thiếu tá	Viện kiểm sát Quân sự Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
128.	Hà Thị Hồng Hạnh	Trung tá	Phòng Công tác Quân chủng, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

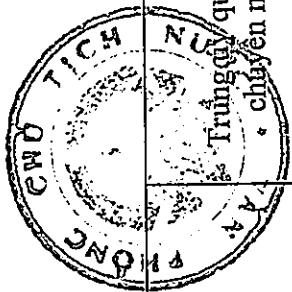
129.	Phùng Thế Định	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần-Kỹ thuật, Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
130.	Lê Trọng Giang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần-Kỹ thuật, Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
131.	Phạm Hữu Điền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch-Hành chính, Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
132.	Nguyễn Văn Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
133.	Nguyễn Thị Sáu	Công nhân viên chức quốc phòng	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
134.	Lê Thị Liên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Ngoại-Hồi sức cấp cứu, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
135.	Nguyễn Thị Bích Thảo	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
136.	Nguyễn Thị Duyên	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
137.	Nguyễn Thị Phương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Ngoại-Hồi sức cấp cứu, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

138.	Nguyễn Đức Học	 Đại úy	Khoa Y học cổ truyền, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
139.	Nguyễn Thị Hoan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
140.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch tổng hợp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
141.	Đặng Tuấn Anh	Thiếu tá	Khoa Ngoại-Hồi sức cấp cứu, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
142.	Nguyễn Thị Hương Giang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
143.	Trương Thị Thu Sang	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
144.	Nguyễn Thị Láng	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
145.	Thái Thị Tám	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
146.	Ninh Thị Tiếp	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

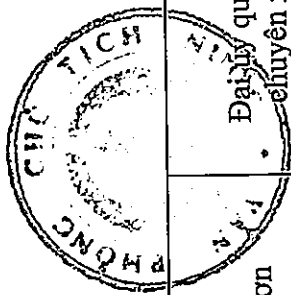
147.	Nguyễn Thị Phương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Quân nhu, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
148.	Trần Thị Oanh	Công nhân viên chức quốc phòng	Nhà trẻ Mùa Xuân, Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
149.	Trương Thị Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diên Mỹ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
150.	Hoàng Thúy Ngân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Kho K14, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
151.	Trần Quang Đức	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
152.	Nguyễn Văn Hà	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
153.	Vũ Trường Sơn	Thiếu tá	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
154.	Nguyễn Huy Hùng	Thiếu tá	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

155.	Đỗ Thị Thêu	Trưởng tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng Khoa Khám tuyền Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình Phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
156.	Nguyễn Thế Tùng	Thiếu tá	Ban Chính trị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
157.	Nguyễn Anh Dũng	Thiếu tá	Kho K14, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
158.	Nguyễn Thế Nghĩa	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch tổng hợp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
159.	Trần Đức Quý	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thuần Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
160.	Bùi Văn Hiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K14, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
161.	Lê Tuấn Khương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Nội chung, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Khai, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
162.	Vũ Văn Xuyên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp		

163.	Nguyễn Thị Thảo	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Nội chung, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Vực, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
164.	Phạm Thị Thanh Mai	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hùng, huyện Triệu Ninh, tỉnh Nam Định
165.	Lê Công Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
166.	Đình Văn Nhất	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
167.	Tương Ngọc Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
168.	Trịnh Văn Quyết	Thiếu tá	Khoa Khám tuyền Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Lạc, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
169.	Trần Thị Liên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Xét nghiệm, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
170.	Hoàng Thị Miến	Đại úy	Khoa Nội chung, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Nguyễn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình




171.	Tống Thị Thu Nhon	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Nội-Bệnh nghề nghiệp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
172.	Quách Thế An	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
173.	Nguyễn Xuân Khanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho K.14, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
174.	Nguyễn Văn Thanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
175.	Vũ Văn Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
176.	Nguyễn Khánh Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
177.	Hoàng Văn Đông	Đại úy	Phòng Chính trị, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
178.	Nguyễn Thị Hồng	Công nhân viên chức quốc phòng	Nhà trẻ Mùa Xuân, Ban Hành chính-Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
179.	Phan Thanh Tuyền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính-Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
180.	Phan Công Huân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính-Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tùng Anh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh



181.	Vũ Xuân Hiệp	Trưởng ủy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính-Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
182.	Đỗ Minh Vương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính-Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
183.	Nguyễn Hùng Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Ngoại-Hồi sức cấp cứu, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
184.	Nguyễn Văn Biên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Nội-Bệnh nghề nghiệp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
185.	Phạm Bá Vũ	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Chẩn đoán hình ảnh - chức năng, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
186.	Nguyễn Chí Tình	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Ngoại-Hồi sức cấp cứu, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
187.	Bùi Quang Ngọc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Nội-Bệnh nghề nghiệp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

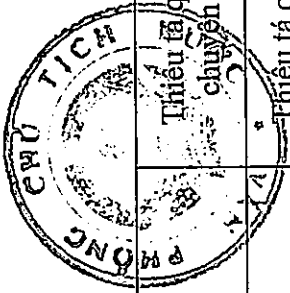


188.	Nguyễn Thị Thu Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
189.	Nguyễn Thị Thanh Hương	Đại úy	Khoa Xét nghiệm, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
190.	Đàm Thị Thùy Như	Đại úy	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
191.	Phùng Thị Yên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Dược sĩ, Khoa Khám tuyến	Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
192.	Hoàng Văn Sơn	Đại úy	Khoa Khám tuyến Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
193.	Chữ Vương Việt Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Khám bệnh, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
194.	Trần Thị Bích Ngân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

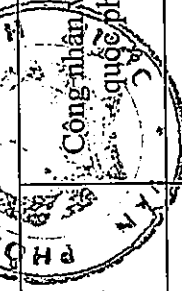
195.	Nguyễn Thị Bích Yến	 Thượng tá	Viện Y học Phòng không - Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng Khoa Nội chung,	Xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
196.	Chữ Xuân Vương	Đại úy	Viện Y học Phòng không - Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng Khoa Khám tuyến	Xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
197.	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không - Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
198.	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không - Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
199.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không - Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
200.	Trương Quốc Chính	Thiếu tá	Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không - Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
201.	Lê Thanh Liêm	Thiếu tá	Phòng Chính trị, Cục Hậu Cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

202.	Nguyễn Thị Lựa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Chính trị, Cục Hậu cần, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
203.	Dương Thanh Tùng	Đại úy	Phòng Tham mưu kế hoạch, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
204.	Vũ Duy Dương	Đại úy	Phòng Tham mưu kế hoạch, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lâm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
205.	Nguyễn Xuân Tường	Đại úy	Phòng Chính trị, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
206.	Đỗ Thị Tố Hằng	Thiếu tá	Phòng Chính trị, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
207.	Chu Thị Khánh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Chính trị, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
208.	Trần Thị Hưng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Chính trị, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
209.	Dương Văn Lam	Đại úy	Phòng Máy bay động cơ, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
210.	Lê Thu Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
211.	Lê Thị Quang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
212.	Hoàng Thị Hằng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

213.	Phạm Thị Phức	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
214.	Nguyễn Thị Hiền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
215.	Lê Quốc Oai	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
216.	Nguyễn Văn Hùng	Công nhân viên chức quốc phòng	Ban Hành chính Hậu cần, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
217.	Nguyễn Thị Lan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tài chính, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Nguyễn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
218.	Nguyễn Như Ngọc	Đại úy	Phòng Thiết bị hàng không, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
219.	Nguyễn Đức Mạnh	Thiếu tá	Phòng Quản lý xí nghiệp-Trạm xưởng, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
220.	Phan Trọng Hiếu	Thiếu tá	Phòng Quản lý xí nghiệp-Trạm xưởng, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
221.	Nguyễn Quốc Thành	Thiếu tá	Phòng Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
222.	Phùng Tiến Dũng	Thiếu tá	Phòng Vật tư, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc



223.	Trịnh Thu Thủy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
224.	Trần Thanh Hà	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
225.	Trịnh Thu Hằng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
226.	Nguyễn Hữu Tuấn	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
227.	Phạm Thị Huyền	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
228.	Nguyễn Thị Kim Thanh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
229.	Phạm Xuân Trường	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Châu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
230.	Nguyễn Thị Thu	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
231.	Vũ Quang Chiến	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
232.	Lê Thị Bình	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

233.	Nguyễn Thị Thoan	 Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
234.	Nguyễn Văn Hồng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng Dài điều khiển, bộ phóng, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
235.	Trần Bình Căn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Dài điề khiển, bộ phóng, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
236.	Chu Đăng Dũng	Công nhân viên chức quốc phòng	phân xưởng Dài điều khiển, bộ phóng, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Châu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
237.	Bùi Mạnh Quyết	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
238.	Bùi Văn Mạnh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
239.	Nguyễn Văn Chiếu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
240.	Nguyễn Văn Tiên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đa, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
241.	Chu Quang Sáng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng Cơ khí-Cơ điện, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

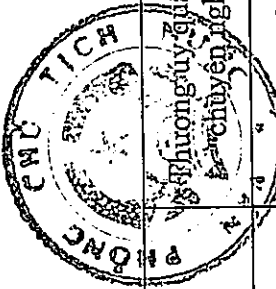
242.	Nguyễn Đức Thiện	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng Cơ khí, Cơ điện, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
243.	Đình Đức Hiếu	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
244.	Trần Quốc Hoàn	Thiếu tá	Phân xưởng 3CY-23, PPK, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
245.	Vũ Đình Đức	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 3CY-23, PPK, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
246.	Ngô Ngọc Bảo	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 3CY-23, PPK, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quang Phong, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
247.	Trần Quốc Bảo	Đại úy	Phân xưởng 3CY-23, PPK, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
248.	Phan Thị Thủy Hạnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng A72, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
249.	Phạm Tiến Dũng	Công nhân viên chức quốc phòng	Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

250.	Cù Quang Khánh	Công nhân viên chức quốc phòng	Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
251.	Nguyễn Văn Tâm	Công nhân viên chức quốc phòng	Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Bác, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
252.	Nguyễn Thành Hưng	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Long, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
253.	Đỗ Thanh Tuấn	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
254.	Nguyễn Thị Thái	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Nho, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
255.	Thái Duy Tài	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Trạm nguồn điện - Xe khí tài, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
256.	Nguyễn Đình Mạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Cơ khí - Cơ điện, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Vĩnh Yên, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
257.	Lê Viết Lam	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
258.	Hoàng Thị Thanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
259.	Lê Thị Phương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chèo Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Yên, huyện Hoa Lu, tỉnh Ninh Bình



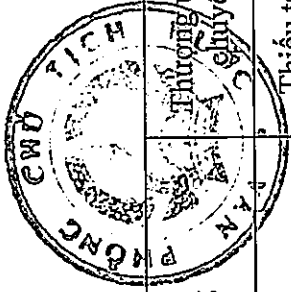
260.	Nguyễn Thị Thu Hà	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng Đạn tên lửa khí, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
261.	Lê Văn Trường	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
262.	Nguyễn Mạnh Kiên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
263.	Đoàn Thị Sự	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
264.	Phan Thị Thu Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
265.	Phạm Công Hào	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
266.	Đình Thị Tâm	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
267.	Trịnh Thu Huyền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
268.	Mai Văn Thủy	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
269.	Trần Thị Chiến	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

270.	Nguyễn Mai Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
271.	Lê Xuân Trường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
272.	Phạm Thị Lương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
273.	Lê Quang Phú	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quyết Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
274.	Cao Đình Tài	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim An, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
275.	Vũ Thị Liên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
276.	Bùi Văn Khởi	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 9, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Đông, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
277.	Trịnh Bá Thuận	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
278.	Nguyễn Quỳnh Trang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
279.	Đình Thị Sanh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn



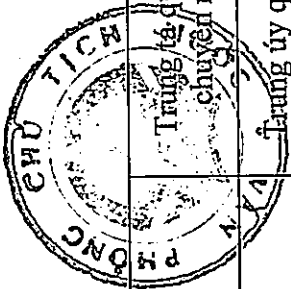
280.	Đặng Quốc Sỹ	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
281.	Giang Chí Ninh	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
282.	Huỳnh Thái Tân	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
283.	Nguyễn Xuân Thơm	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
284.	Nguyễn Thức Huy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
285.	Thái Thị Hà	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
286.	Chu Thị Kim Ngân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Sông Cầu, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
287.	Phạm Thị Thu Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
288.	Phạm Thị Kiều Ân	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
289.	Nguyễn Trung Kiên	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

290.	Bùi Văn Phong	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
291.	Lê Thị Vân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
292.	Phạm Thị Phương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
293.	Hoàng Thị Ánh Tuyết	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
294.	Lê Thị Thúy Ninh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
295.	Ma Thanh Bắc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
296.	Nguyễn Thị Tân Miên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
297.	Nguyễn Văn Hanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
298.	Lê Văn Thịnh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
299.	Trần Thị Việt Hồng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Ước, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
300.	Bùi Thị Thủy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội



301.	Trịnh Thị Thúy Hà	Đại úy	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
302.	Nguyễn Đình Sự	Đại úy	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Nghiệp, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
303.	Đặng Đình Quỳnh	Đại úy	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
304.	Phạm Thị Thúy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
305.	Nguyễn Thị Nga	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Vực, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
306.	Lê Văn Thê	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
307.	Nguyễn Văn Sáu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
308.	Trần Văn Kiên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
309.	Nguyễn Minh Thanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
310.	Nguyễn Trọng Toàn	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Lạc, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
311.	Phạm Thị Trà	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

312.	Hà Thanh Trung	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
313.	Nguyễn Gia Mạnh	Trang úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
314.	Lê Trọng Quỳnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
315.	Trần Hữu Ngọc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
316.	Đặng Việt Công	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
317.	Nguyễn Tiến Cường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
318.	Mai Trường Giang	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
319.	Đặng Văn Phó	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
320.	Dương Thị Phương Loan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Tiến, thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên
321.	Đỗ Xuân Tùng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
322.	Vũ Mạnh Cường	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang



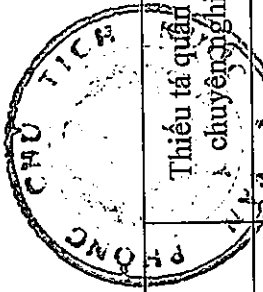
323.	Nguyễn Thị Lan Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
324.	Tống Cao Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
325.	Trần Đức Minh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
326.	Vũ Đình Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
327.	Trần Thị Kim Oanh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
328.	Phan Văn Sáng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
329.	Nguyễn Hữu Tâm	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
330.	Hữu Thị Thúy	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
331.	Trần Văn Hà	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
332.	Trần Trọng Phu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
333.	Ngô Thị Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

334.	Hoàng Trọng Nghĩa	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
335.	Thái Liên Sơn	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
336.	Hoàng Văn Ngồn	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Năng, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
337.	Hoàng Cao Lạng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
338.	Nguyễn Viết Thông	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
339.	Vũ Văn Quỳnh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
340.	Nguyễn Tiến Nam	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Giang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
341.	Phạm Văn Bôn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
342.	Nguyễn Văn Dũng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
343.	Đỗ Văn Thanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
344.	Vũ Đức Thuận	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định



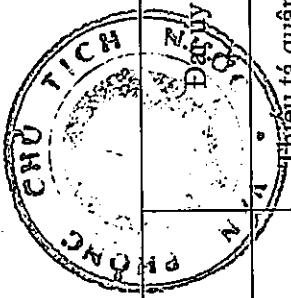
345.	Đoàn Đăng Tiêng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
346.	Từ Văn Hương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
347.	Nguyễn Thị Bình	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
348.	Hoàng Thị Thanh Bình	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
349.	Nguyễn Kim Thắng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
350.	Nguyễn Tiến Hưng	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Chén, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
351.	Đặng Hồng Chiến	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
352.	Hoàng Viết Hải	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
353.	Dương Văn Phương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
354.	Nguyễn Tuấn Anh	Đại úy	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
355.	Bùi Đức Bình	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

356.	Phạm Thị Liên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
357.	Đỗ Văn Bình	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
358.	Trần Duy Viện	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
359.	Lê Thị Huyền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
360.	Vũ Văn Oai	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Di Ché, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
361.	Tạ Thị Huệ	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cẩm An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
362.	Huỳnh Tiến Tân	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
363.	Hà Thị Liên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
364.	Phan Chí Thanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
365.	Đặng Thoại	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
366.	Nguyễn Thị Thanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

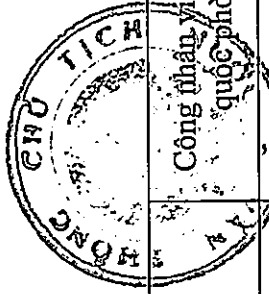


367.	Lê Xuân Thuận	Đại úy	Phân xưởng 4, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
368.	Bùi Văn Nhật	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
369.	Vũ Hữu Dũng	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
370.	Lưu Thị Lan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
371.	Trần Văn Tân	Đại úy	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
372.	Nguyễn Thị Phan	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
373.	Dương Chí Hồ	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
374.	Bùi Mạnh Hùng	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
375.	Trần Hữu Hạnh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
376.	Nguyễn Văn Thái	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
377.	Nguyễn Huy Trung	Đại úy	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

378.	Lê Khắc Lâm	Đặc ủy	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Cường, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
379.	Trương Quang Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
380.	Nguyễn Văn Nguyên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
381.	Nguyễn Tuấn Vũ	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
382.	Phạm Văn Khanh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
383.	Nguyễn Đăng Dị	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
384.	Lê Văn Chung	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
385.	Nguyễn Văn Vinh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Hải, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
386.	Vũ Trọng Oanh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dị Ché, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
387.	Nguyễn Đình Hòa	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
388.	Nguyễn Đức Trung	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc



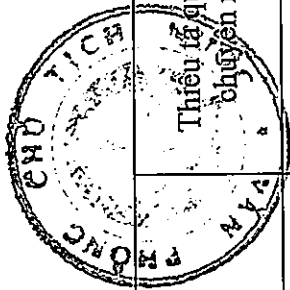
389.	Lê Ngọc Quang	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Giao, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
390.	Dương Văn Yên	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
391.	Đoàn Công Thiệp	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
392.	Nguyễn Tiến Chung	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Minh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
393.	Đặng Đình Hân	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
394.	Phan Văn Huệ	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
395.	Lê Văn Hải	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
396.	Trần Hữu Cường	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
397.	Trần Văn Đông	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trần Hưng Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
398.	Đào Huy Quát	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
399.	Mai Lê Cống	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh





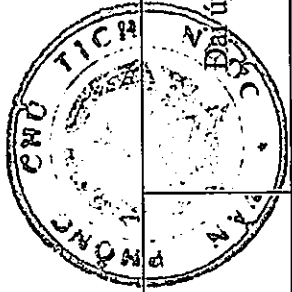
400.	Bùi Hồng Văn	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
401.	Nguyễn Thị Nhị	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Phượng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
402.	Nguyễn Ngọc Hoa	Đại úy	Phân xưởng 8, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trương Văn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
403.	Ngô Nam Giang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Xuân, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
404.	An Cảnh Toàn	Đại úy	Phân xưởng 8, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Dương, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
405.	Đỗ Thị Hà Nam	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 9, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
406.	Hoàng Viết Nam	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 9, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Báo Ninh, thành phố Đông Hới, tỉnh Quảng Bình
407.	Dương Văn Sáng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 9, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
408.	Hoàng Hồng Minh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 9, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
409.	Vũ Văn An	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 10, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao An, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương

410.	Võ Văn Trọng	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 10, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam
411.	Phạm Văn Khoa	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 10, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
412.	Trần Thị Thu Hương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 10, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
413.	Phạm Lê Thế Lữ	Đại úy	Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
414.	Đinh Tư Liệu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
415.	Nguyễn Phi Long	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
416.	Phí Lam Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
417.	Vũ Xuân Thời	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
418.	Đỗ Thị Ngân	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

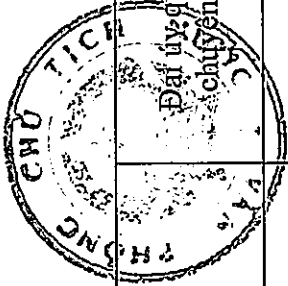


419.	Đặng Văn Chuẩn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
420.	Nguyễn Thị Hà	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
421.	Tạ Phúc Thúy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
422.	Phạm Thị Dung	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang
423.	Nguyễn Đình Hiền	Công nhân viên chức quốc phòng	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
424.	Ma Văn Tính	Công nhân viên chức quốc phòng	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhài, tỉnh Thái Nguyên
425.	Bùi Thị Thanh	Công nhân viên chức quốc phòng	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
426.	Lê Văn Đăng	Công nhân viên chức quốc phòng	Trung tâm Đo lường miền Trung, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên



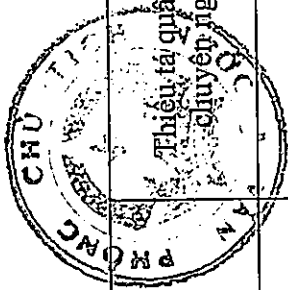


427.	Lê Hồng Huy		Phòng Kế hoạch, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diên Lâm, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
428.	Nguyễn Thị Kim Oanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
429.	Trần Thị Thu Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Dân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
430.	Phạm Trung	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
431.	Nguyễn Minh Thuận	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
432.	Lê Thị Thủy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
433.	Nguyễn Quang Tuyên	Đại úy	Phòng Cơ điện, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
434.	Quảng Vinh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ điện, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Thành, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam




435.	Võ Văn Dần	Đại úy, quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ điện, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
436.	Nguyễn Thị Mai	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ điện, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
437.	Võ Văn Thành	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
438.	Vũ Mạnh Hiệp	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
439.	Nguyễn Thái Bình	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
440.	Hoàng Văn Luyện	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
441.	Lê Đình Hoan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
442.	Tống Văn Hiếu	Đại úy	Phòng KCS, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
443.	Đỗ Xuân Chót	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
444.	Hoàng Thị Kim Thanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

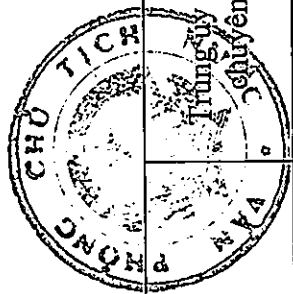
445.	Hà Trần Phương Uyên	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phú Cát, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
446.	Thái Bình Lâm	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
447.	Đặng Văn Ngọc	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Bình, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam
448.	Đặng Công Xít	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
449.	Nguyễn Văn Nhiệm	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
450.	Phan Thành Vinh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
451.	Vũ Thị Niên	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
452.	Phạm Thị Luyến	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình



453.	Dương Thị Chuyên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
454.	Nguyễn Xuân Cảnh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
455.	Phạm Thế Trung	Thượng úy	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
456.	Võ Trọng Thế	Đại úy	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
457.	Nguyễn Văn Quân	Đại úy	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
458.	Trịnh Văn Minh	Thiếu tá	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Phương, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
459.	Nguyễn Thanh Hải	Đại úy	Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
460.	Nguyễn Đức Thuyền	Đại úy	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
461.	Trương Thị Thanh Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trần Hưng Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

462.	Phạm Văn Tý	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
463.	Đặng Minh Hùng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
464.	Ngô Thị Kim Ánh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
465.	Hoàng Đình Tuấn	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
466.	Trần Quang Lục	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
467.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
468.	Lê Thị Hồng Huệ	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
469.	Đình Thị Nhuận	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
470.	Đặng Viết Thành	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
471.	Vũ Đình Thương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
472.	Hồ Thế Dũng	Công nhân viên chức quốc phòng	Đội xe, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

473.	Nguyễn Khắc Hiến	 Công nhân viên chức quốc phòng	Đội xe, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Tân, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
474.	Phạm Văn Lực	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
475.	Vũ Văn Tiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
476.	Phạm Quang Chính	Thiếu tá	Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
477.	Nguyễn Đức Cường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính hậu cần, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
478.	Lỗ Bá Kiên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tự Lập, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
479.	Phạm Đức Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
480.	Phí Ngọc Lâm	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
481.	Nguyễn Văn Quân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đắc Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
482.	Trần Văn Thạnh	Đại úy	Phân xưởng 3, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên



483.	Đỗ Mạnh Hùng	Trung ương quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính hậu cần, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
484.	Bùi Đăng Lộc	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
485.	Mai Thị Mơ	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
486.	Nguyễn Ngọc Du	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
487.	Vũ Tiến Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
488.	Dương Anh Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
489.	Lưu Thị Thuần	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
490.	Nguyễn Công Diễn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
491.	Nguyễn Thanh Hải	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khả Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
492.	Nguyễn Văn Toại	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
493.	Đình Văn Minh	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

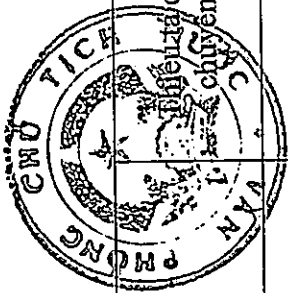
494.	Nguyễn Văn Dường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
495.	Vương Văn Sáu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
496.	Lê Tiến Sỹ	Đại úy	Phòng KCS, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
497.	Nguyễn Việt Tuyên	Đại úy	Phân xưởng 3, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
498.	Nguyễn Thành Luân	Đại úy	Phân xưởng 5, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
499.	Nguyễn Tùng Tiến	Đại úy	Phân xưởng 8, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
500.	Đỗ Hữu Ngọc	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Vật tư, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
501.	Nguyễn Văn Thái	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
502.	Hoàng Văn Toàn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
503.	Hoàng Văn Tuấn	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
504.	Trần Xuân Thủy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tây Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình



505.	Phan Hữu Tuấn	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
506.	Đình Hoàng Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Chính, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa
507.	Dương Viêt Thanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
508.	Bùi Công Sự	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
509.	Lưu Văn Long	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đại Nại, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
510.	Trần Văn Hiếu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
511.	Lê Văn Dương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
512.	Hoàng Minh Huấn	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
513.	Trịnh Kiều Giang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
514.	Phạm Văn Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
515.	Nguyễn Văn Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

516.	Hồ Anh Dũng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
517.	Nguyễn Thành Long	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
518.	Phạm Văn Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
519.	Nguyễn Xuân Thùy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Tứ Trung, huyện Vĩnh Phúc
520.	Nguyễn Huy Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
521.	Nguyễn Xuân Huy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ
522.	Nguyễn Thị Lan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Bình
523.	Bùi Văn Dũng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
524.	Hoàng Đình Hai	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
525.	Lê Minh Hợp	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long An, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

526.	Nguyễn Đình Dương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 8, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
527.	Nguyễn Đức Toàn	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
528.	Phùng Văn Phương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
529.	Nguyễn Trung Tường	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
530.	Lương Văn Nghiệu	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 6, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Dục, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
531.	Nguyễn Văn Thắng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ điện, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
532.	Nguyễn Đức Duy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cơ điện, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
533.	Trần Mạnh Hà	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lâm Trung Thủy, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
534.	Hoàng Văn Anh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
535.	Nguyễn Mạnh Ly	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội



536.	Trần Văn Quý	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
537.	Trần Sỹ Tác	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
538.	Phạm Văn Tuế	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
539.	Nguyễn Văn Luật	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
540.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
541.	Vì Văn Thời	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
542.	Nguyễn Xuân Vang	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Trinh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
543.	Bùi Hữu Liệu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Sơn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
544.	Đình Quang Giáp	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
545.	Nguyễn Văn Tiến	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

546.	Nguyễn Thế Quỳnh	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng KCS, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
547.	Nguyễn Hải Đường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phố Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
548.	Nguyễn Trần Toán	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
549.	Nguyễn Văn Hòa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
550.	Nguyễn Văn Đá	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
551.	Đỗ Thành Long	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
552.	Nguyễn Quang Hiếu	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
553.	Đào Văn Hoanh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
554.	Phạm Văn Trà	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
555.	Nguyễn Mạnh Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
556.	Nguyễn Thị Mười	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

557.	Nguyễn Tiến Hưng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
558.	Đoàn Văn Duán	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Sơn, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
559.	Đặng Đức Quân	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 4, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
560.	Lê Văn Danh	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Dân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
561.	Nguyễn Đức Hoàng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
562.	Hoàng Mạnh Đức	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
563.	Nguyễn Văn Huệ	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
564.	Trần Trọng Giáp	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
565.	Đình Bá Quân	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
566.	Vũ Anh Tuấn	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
567.	Mai Sơn Bình	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình



568.	Đặng Đức Nam	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
569.	Hà Văn Tường	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
570.	Vũ Trọng Sỹ	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
571.	Phùng Thị An	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
572.	Hoàng Văn Bang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ An, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
573.	Nguyễn Minh Châu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
574.	Nguyễn Hữu Dũng	Đại úy	Phòng Kế hoạch-Vật tư, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
575.	Cao Trí Dũng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
576.	Đặng Văn Dũng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
577.	Lê Thanh Hà	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Kế hoạch-Vật tư, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

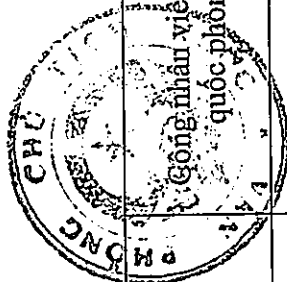
578.	Nguyễn Thị Hà	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
579.	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phạm Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
580.	Nguyễn Thúy Hằng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 6, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
581.	Lương Đình Hiếu	Đại úy	Phân xưởng 5, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
582.	Lê Quý Hoàng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
583.	Nguyễn Phương Hồng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
584.	Lê Thị Hương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Kế hoạch-Vật tư, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
585.	Trần Thị Thu Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
586.	Nguyễn Văn Huyền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
587.	Đông Đăng Khiêm	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 7, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình



588.	Nguyễn Viết Khoa	Thiếu tá, quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
589.	Vũ Thị Dương Liễu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
590.	Trần Thị Minh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
591.	Trần Ngọc Sơn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
592.	Nguyễn Đức Thái	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 2, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
593.	Nguyễn Thị Thiếp	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
594.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
595.	Tô Thị Kim Tính	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
596.	Vũ Văn Toán	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
597.	Trần Văn Tứ	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

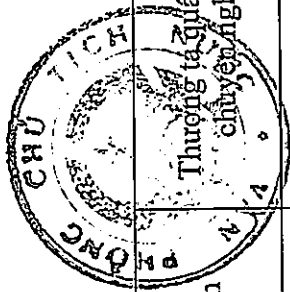
598.	Nguyễn Thị Vân Anh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A45, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
599.	Đình Văn Tuyên	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
600.	Bùi Hùng Anh	Đại úy	Phân xưởng 5, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sóc Đãng, huyện Đọan Hùng, tỉnh Phú Thọ
601.	Đỗ Thị Hiệp	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính-Hậu cần, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
602.	Phạm Văn Kiên	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
603.	Trịnh Bá Sớm	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
604.	Lê Đình Kiều	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
605.	Trần Tuấn Anh	Đại úy	Phân xưởng 1, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
606.	Trần Đại Nghĩa	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
607.	Trần Đức Thiện	Thiếu tá	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Anh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
608.	Vũ Đức Thiện	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

609.	Phạm Quốc Hiệp	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
610.	Vũ Thị Kim Tuyền	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
611.	Đình Văn Khỏe	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
612.	Phùng Văn Tri	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
613.	Nguyễn Thị Bán	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
614.	Lê Hữu Hanh	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Bình
615.	Trần Văn Thạch	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
616.	Hoa Thanh Nghị	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
617.	Hà Quyết Thắng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ



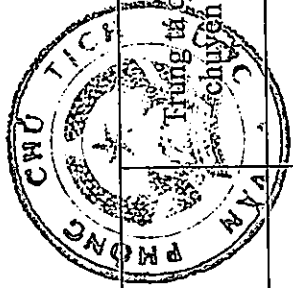
618.	Nguyễn Đăng Chiêm	Giống nhau với chức quốc phòng	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
619.	Kim Văn Mạnh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
620.	Nguyễn Kim Thắng	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ba Hàng, thị xã Phó Yên, tỉnh Thái Nguyên
621.	Vũ Ngọc Bình	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
622.	Phạm Thị Thuận	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chất Bình, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
623.	Đỗ Văn Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
624.	Bùi Thị Nhung	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
625.	Đào Xuân Triều	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Hiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

626.	Đoàn Tiến Thuật	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
627.	Lê Thị Tuyết	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
628.	Đình Thị Nhẫn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
629.	Nguyễn Đức Trọng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
630.	Đình Duy Diệu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
631.	Lê Xuân Trường	Đại úy	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
632.	Đỗ Thái Sơn	Thiếu tá	Phân xưởng 3, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
633.	Nguyễn Hữu Tuấn	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội



634.	Nguyễn Thanh Chính	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
635.	Hoàng Đình Đông	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
636.	Nguyễn Văn Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quỳnh Di, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
637.	Nguyễn Thành Chung	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
638.	Nguyễn Anh Sơn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 4, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tổng Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
639.	Đoàn Huy Hoàng	Đại úy	Phân xưởng 4, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
640.	Nguyễn Trọng Vỹ	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
641.	Cù Văn Yên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

642.	Mai Thị Hoan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
643.	Hà Mạnh Thắng	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
644.	Đoàn Xuân Thu	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân xưởng 5, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
645.	Nguyễn Văn Dăm	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban KCS, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
646.	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban KCS, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Thư, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
647.	Phạm Văn Phi	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban KCS, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
648.	Nguyễn Hùng Sơn	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban KCS, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cỏ Đỏ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
649.	Lê Trường Thịnh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban KCS, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ



650.	Đỗ Xuân Công	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng kỹ thuật, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
651.	Phạm Văn Tiếp	Đại úy	Phòng kỹ thuật, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
652.	Nguyễn Thị Thu Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch vật tư, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
653.	Phan Thị Thanh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch vật tư, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
654.	Đặng Hùng Sơn	Công nhân viên chức quốc phòng	Phòng Kế hoạch vật tư, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
655.	Nguyễn Thúy Nga	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
656.	Nguyễn Trọng Công	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
657.	Đỗ Thị Chiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
658.	Nguyễn Văn Chính	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng



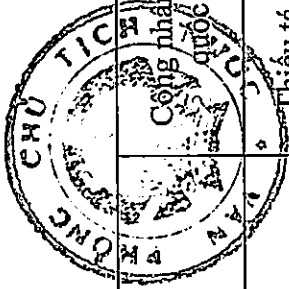
659.	Nghiêm Tiến Dũng	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
660.	Nguyễn Văn Hợi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
661.	Lê Thị Hòa	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
662.	Nguyễn Thị Minh Huệ	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
663.	Đặng Văn Hưng	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đồng Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
664.	Lưu Thị Hương	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
665.	Phạm Thị Lý	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
666.	Cao Thị Loan	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
667.	Phạm Văn Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 30, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Ché, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
668.	Vũ Văn Thạo	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
669.	Bùi Minh Thành	Đại úy	Phân kho 1, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa



670.	Nguyễn Thị Hồng Thơm	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Du, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
671.	Nguyễn Thị Phương Lan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
672.	Đình Thị Thu Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
673.	Đình Quang Nam	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
674.	Kiều Văn Bình	Công nhân viên chức quốc phòng	Ban Kỹ thuật, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
675.	Bùi Văn Dung	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
676.	Bùi Thị Hải Anh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
677.	Phạm Trọng Mừng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
678.	Đào Thị Hạnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
679.	Nguyễn Phương Hào	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
680.	Nguyễn Thị Mai Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

681.	Thái Thị Hà	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
682.	Đào Xuân Ninh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
683.	Đỗ Văn Hình	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
684.	Nguyễn Minh Điền	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
685.	Nguyễn Thị Bích	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Anh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
686.	Phạm Thế Giang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêm Chung, thành phố Phù Lý, tỉnh Hà Nam
687.	Nguyễn Thị Hằng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
688.	Nguyễn Thị Na	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
689.	Lương Thị Hải	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
690.	Lê Văn Quý	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
691.	Lê Thị Hoài	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phần kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

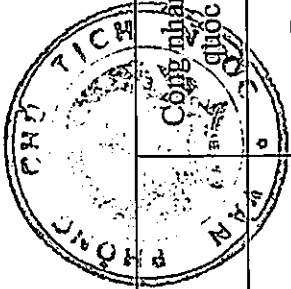
692.	Nguyễn Thị Nam	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
693.	Trần Thị Khanh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
694.	Phạm Thị Giang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
695.	Nguyễn Hồng Chi	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
696.	Lê Xuân Tú	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
697.	Lê Trọng Chức	Thượng úy	Ban chính trị, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
698.	Nguyễn Văn Hà	Công nhân viên chức quốc phòng	Ban Kỹ thuật, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
699.	Bùi Ngọc Tuyền	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
700.	Nguyễn Thị Nguyễn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
701.	Trịnh Văn Đồng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
702.	Phạm Thị Huệ	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương



703.	Võ Đình Lĩnh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 2, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
704.	Lê Thị Thanh Nguyệt	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
705.	Nguyễn Trung Kiên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
706.	Nguyễn Văn Công	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
707.	Phạm Văn Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
708.	Nguyễn Thị Hà Phương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
709.	Đàm Anh Vũ	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
710.	Nguyễn Thị Hồng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
711.	Đào Lệ Chi	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
712.	Trần Văn Chung	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhuê Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

713.	Nguyễn Thị Cảnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
714.	Lục Thị Dung	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
715.	Lê Mạnh Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
716.	Nguyễn Duy Việt	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp QN	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
717.	Trần Văn Hoàng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
718.	Nguyễn Khắc Hào	Đại úy	Phân kho 11, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
719.	Đỗ Danh Văn	Đại úy	Phân kho 11, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
720.	Đào Ngọc Kha	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 11, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
721.	Nguyễn Văn Sơn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 11, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
722.	Nguyễn Mạnh Thế	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
723.	Doãn Văn Cường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Nam, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

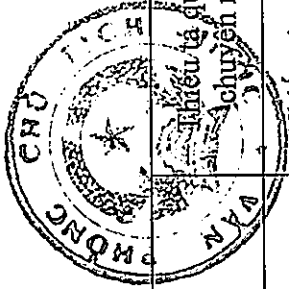
724.	Hoàng Đình Sự	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
725.	Nguyễn Văn Nam	Đại úy	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
726.	Nguyễn Hữu Thành	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
727.	Phạm Thị Thu Hiền	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
728.	Nguyễn Bá Long	Đại úy	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
729.	Lê Sỹ Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
730.	Đỗ Thị Việt Tinh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
731.	Nguyễn Duy Điệp	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
732.	Hoàng Đình Điệp	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
733.	Nguyễn Hữu Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
734.	Bùi Phương Đông	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vân Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

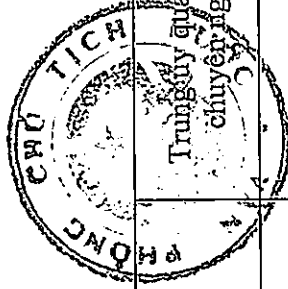


735.	Nguyễn Thị Kim Thư	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
736.	Phùng Duy Ân	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
737.	Nguyễn Lương Đức	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
738.	Phương Thị Hương	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
739.	Lê Thị Đào	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
740.	Lương Văn Lợi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
741.	Đặng Thị Thu Thúy	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
742.	Trần Văn Liệu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
743.	Lê Văn Thảo	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
744.	Nguyễn Duy Mạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
745.	Phùng Thế Nam	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội



746.	Đỗ Thị Tuyết Mai	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
747.	Nguyễn Thị Kim Loan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đồng Nguyễn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
748.	Nguyễn Thị Hải	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
749.	Vũ Thị Hằng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
750.	Phạm Thị Lan	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
751.	Lê Xuân Diệp	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 38, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Phúc
752.	Phạm Thị Tuyết Mai	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 38, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
753.	Cao Văn Chiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 38, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
754.	Phạm Tiến Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 38, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thành Công, thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên
755.	Nguyễn Toàn Thắng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 38, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
756.	Nguyễn Bá Dục	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội





757.	Nguyễn Xuân Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
758.	Nguyễn Thế Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
759.	Hà Đức Phong	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
760.	Lê Tuấn Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
761.	Lê Văn Lâm	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Hà, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
762.	Nguyễn Hoàng Anh	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
763.	Trịnh Quốc Vĩnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
764.	Vũ Xuân Khánh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
765.	Nguyễn Văn Hà	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
766.	Lê Đăng Ninh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
767.	Lê Đình Vương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

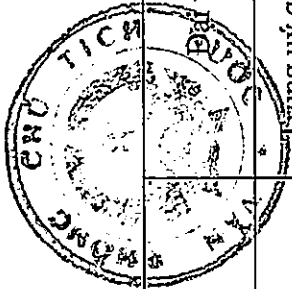
768.	Phạm Đình Nguyễn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
769.	Nguyễn Bá Đức	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
770.	Nguyễn Thị Thúy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
771.	Huỳnh Chung Tỉnh	Đại úy	Ban Chính trị, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
772.	Đỗ Văn Hải	Đại úy	Ban Kế hoạch, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
773.	Đặng Hương Dương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Đô, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
774.	Phạm Tô Hoài	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
775.	Nguyễn Thị Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lâm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
776.	Nguyễn Anh Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
777.	Hoàng Thị Liên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
778.	Nguyễn Văn Mạnh	Thượng úy	Phân kho 4, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trượng Văn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

779.	Bùi Thị Vân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
780.	Cao Thanh Lương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 4, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
781.	Nguyễn Trung Hiếu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
782.	Thái Xuân Hoan	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 1, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tùng Anh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
783.	Lê Đình Sơn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
784.	Hà Văn Công	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
785.	Phan Thị Kim Huệ	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
786.	Đào Trọng Uyên	Đại úy	Phân kho 1, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
787.	Trần Văn Minh	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 4, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
788.	Phan Thanh Vĩ	Đại úy	Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Điện Phong, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
789.	Nguyễn Đức Thuyền	Công nhân viên chức quốc phòng	Ban Kỹ thuật, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

790.	Nguyễn Hương Thủy	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phường Đức, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
791.	Cao Thị Phương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
792.	Nguyễn Quý Đôn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
793.	Lê Thị Thu	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
794.	Nguyễn Văn Tiến	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
795.	Hoàng Thị Nga	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
796.	Nguyễn Thị Mến	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
797.	Phan Thị Thu Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Hoa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
798.	Bùi Đức Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
799.	Nguyễn Thị Nhuận	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
800.	Nguyễn Thị Bưởi	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

801.	Trần Thị Phương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
802.	Nguyễn Thị Hiền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
803.	Nguyễn Đình Lương	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hòa, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
804.	Nguyễn Sơn Hải	Công nhân viên chức quốc phòng	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Tú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
805.	Nguyễn Thị Nga	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
806.	Nguyễn Thị Thái	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
807.	Đặng Văn Hoan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
808.	Hoàng Thị Linh	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
809.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
810.	Nguyễn Đình Phương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
811.	Nguyễn Trung Kiên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tổ chức, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

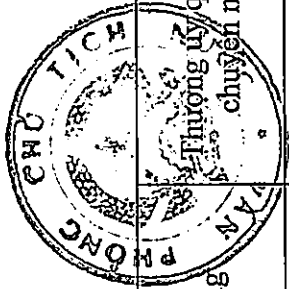
812.	Bùi Văn Thành	Đại úy	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
813.	Nguyễn Việt Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
814.	Đặng Văn Tuấn	Trung úy	Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
815.	Cao Văn Hạnh	Đại úy	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
816.	Nguyễn Văn Hà	Đại úy	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
817.	Đoàn Đình Triệu	Thiếu tá	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
818.	Phùng Quang Trường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đòng Thịnh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
819.	Đỗ Văn Cừ	Thiếu tá	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
820.	Uông Việt Phương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
821.	Đông Đạo Bằng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội 9, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
822.	Nguyễn Hải Bình	Đại úy	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

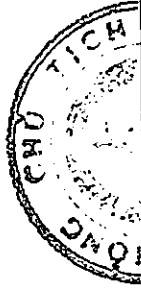


823.	Lê Kiên Quyết	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
824.	Lê Xuân Trường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Cây Xanh, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
825.	Đặng Văn Đức	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Cây Xanh, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
826.	Đỗ Duy Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Cây Xanh, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
827.	Nguyễn Văn Tuyên	Công nhân viên chức quốc phòng	Ban Pháo Phòng không - Tên lửa Tầm thấp, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đắc Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
828.	Đinh Đại Đồng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Hòa Sơn, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
829.	Nguyễn Danh Thuyết	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
830.	Nguyễn Văn Vọng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
831.	Dương Danh Huỳnh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
832.	Đoàn Quang Huy	Đại úy	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Lâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình



833.	Nguyễn Tiến Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
834.	Nguyễn Văn Vương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
835.	Phan Lạc Tùng	Thiếu tá	Ban Hậu cần, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
836.	Nguyễn Văn Hạnh	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
837.	Trần Đức Bắc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
838.	Quách Tá Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
839.	Phùng Thị Thạo	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
840.	Nguyễn Thị Tuyết	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
841.	Phạm Đức Hậu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
842.	Đặng Văn Bảy	Đại úy	Đại đội 26, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam





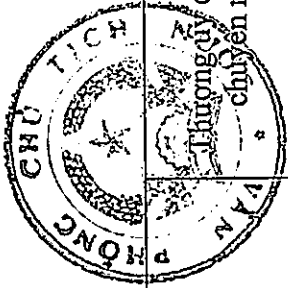
843.	Đào Văn Diệp	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 26, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
844.	Vũ Hữu Bằng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 26, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
845.	Lê Thị Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
846.	Lê Thị Thúy Nga	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
847.	Đinh Văn Uy	Thiếu tá	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
848.	Phạm Khắc Lân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
849.	Nguyễn Đắc Văn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 65, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
850.	Nguyễn Văn Luận	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 65, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
851.	Phạm Thị Minh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đội Hậu cần, Tiểu đoàn 65, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
852.	Bùi Tiến Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

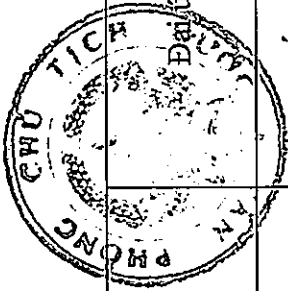
853.	Vũ Đố Cao Đài	Thượng úy	Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
854.	Chu Thị Thoa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
855.	Đoàn Thị Miên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
856.	Trần Trọng Đoàn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
857.	Nguyễn Văn Nhâm	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
858.	Vũ Duy Hai	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
859.	Lê Thị Hằng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
860.	Bùi Quý Thiêm	Thiếu tá	Tiểu đoàn 62, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
861.	Kiều Văn Khánh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cấn Kiệm, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

862.	Lê Xuân Trinh	Đại úy	Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
863.	Chu Minh Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Đông, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
864.	Chu Tiến Cảnh	Đại úy	Đại đội 10, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Đông, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
865.	Nguyễn Đức Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
866.	Phan Viết Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
867.	Trần Thị Thu Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 152, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
868.	Phạm Thị Bích Thuận	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 152, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
869.	Nguyễn Viết Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 152, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
870.	Phạm Như Tỏi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
871.	Nguyễn Duy Quân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 155, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

872.	Dương Thị Hồng Thủy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 155, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
873.	Nguyễn Thị Thu Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
874.	Đỗ Việt Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
875.	Quách Văn Tin	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
876.	Lê Thị Thanh Trà	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 151, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ An, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
877.	Bạch Thị Ngọc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 151, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
878.	Tô Linh Nhân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 151, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
879.	Hà Ngọc Kiên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 151, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
880.	Nguyễn Văn Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 78, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
881.	Đào Xuân Thọ	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 78, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

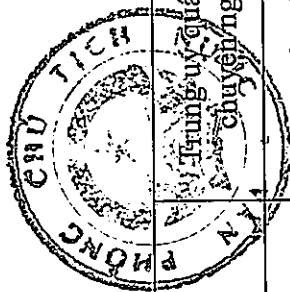
882.	Lưu Văn Thái	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 78, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
883.	Tạ Bình Quyền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 78, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Phong, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
884.	Đỗ Quang Đại	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 78, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
885.	Nguyễn Thị Kim Dung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 80, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vân Hội, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
886.	Phạm Xuân Hậu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 80, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
887.	Nguyễn Thế Đạo	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
888.	Quách Văn Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Quan sát mắt, Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
889.	Nguyễn Văn Toàn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 76, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
890.	Trần Văn Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
891.	Bùi Mạnh Cường	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa



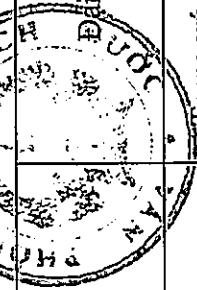


892.	Mai Trung Hoàn	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
893.	Trần Đình Oánh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
894.	Lương Thế Tiến	Thiếu tá	Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
895.	Đỗ Đức Hưng	Đại úy	Đại đội 2, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
896.	Phạm Anh Phương	Đại úy	Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
897.	Trần Đức Tâm	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
898.	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
899.	Nguyễn Văn Hân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
900.	Nguyễn Văn Quân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
901.	Hoàng Văn An	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

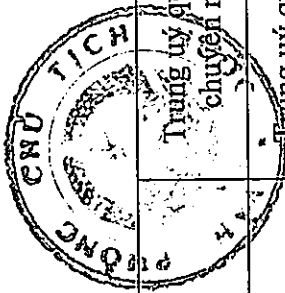
902.	Đặng Viết Chính	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
903.	Nguyễn Thanh Tường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
904.	Ngô Văn Thanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
905.	Vũ Sơn Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
906.	Trần Trung Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
907.	Bùi Văn Thắng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
908.	Trần Văn Long	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Thợ Bộ phóng, Đại đội 2, Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
909.	Trịnh Quốc Phong	Đại úy	Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
910.	Vũ Việt Phương	Thiếu tá	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
911.	Nguyễn Tiến Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc



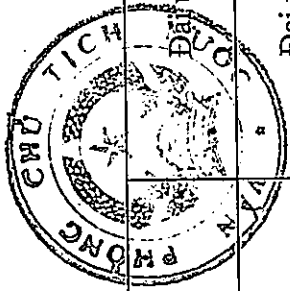


912.	Vũ Việt Phúc	 Đại úy	Đại đội 4, Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
913.	Nguyễn Văn Hiệp	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
914.	Nguyễn Văn Thắng	Đại úy	Đại đội 10, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
915.	Phạm Tuấn Anh	Đại úy	Đại đội 10, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
916.	Phan Văn Cẩm	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
917.	Nguyễn Văn Quý	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
918.	Mai Văn Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 71, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
919.	Trần Thị Hòa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
920.	Bùi Thị Thu Hằng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
921.	Lưu Đình Cảnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

922.	Nguyễn Văn Tân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
923.	Lý Ngọc Tú	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
924.	Lê Xuân Duy	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
925.	Chu Quang Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
926.	Đỗ Anh Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
927.	Trần Đình Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
928.	Trần Văn Hữu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
929.	Trần Thị Mến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quán Nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
930.	Nguyễn Văn Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quán Nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ba Trại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
931.	Vũ Mạnh Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quán Nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
932.	Vũ Văn Mạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng



933.	Đặng Thị Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành Chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
934.	Nguyễn Hữu Quán	Thiếu tá	Ban Cán bộ, Phòng Chính trị, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
935.	Dương Đức Nho	Đại úy	Phòng Chính trị, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Đông, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
936.	Nguyễn Hồng Thái	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm kỹ thuật, Phòng kỹ thuật, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
937.	Nguyễn Trọng Đại	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm kỹ thuật, Phòng kỹ thuật, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
938.	Nguyễn Văn Chiêu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Đông, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
939.	Đỗ Đăng Bắc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
940.	Phạm Văn Tuấn	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
941.	Nguyễn Tiến Quán	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 184, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
942.	Bùi Thị Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
943.	Nguyễn Thị Hằng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

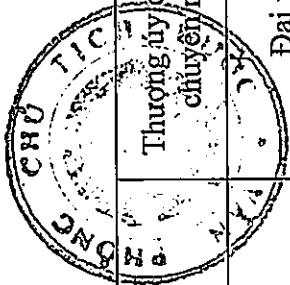


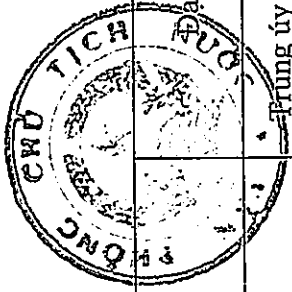
944.	Đỗ Văn Hiếu	Đại úy	Ban Tham mưu Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
945.	Vũ Văn Thông	Đại úy	Ban Hậu cần Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
946.	Nguyễn Bảo Hoàng	Thiếu tá	Tiểu đoàn 71, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
947.	Nguyễn Quốc Huy	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 72, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
948.	Đào Thị Nhã	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 72, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
949.	Đào Thị Lan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
950.	Phạm Thị Thủy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
951.	Ninh Văn Quán	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 75, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
952.	Đào Huy Phương	Thiếu tá	Tiểu đoàn 75, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
953.	Phan Văn Hải	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

954.	Ngô Thị Như Hoa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
955.	Nguyễn Thị Tú	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
956.	Nguyễn Thị Nhung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
957.	Phạm Thị Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 82, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
958.	Nguyễn Thị Ngân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 81, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
959.	Mai Đức Trường	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
960.	Hoàng Văn Tiếp	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Thát Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
961.	Nguyễn Công Khanh	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
962.	Trần Văn Tài	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
963.	Ngô Văn Đoàn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

964.	Đinh Thị Lan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
965.	Vũ Thị Chiên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
966.	Võ Thị Thư	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
967.	Trịnh Anh Dũng	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
968.	Phạm Văn Quỳnh	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
969.	Vũ Văn Tùng	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
970.	Tạ Quang Phương	Đại úy	Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
971.	Nguyễn Thị Nhớ	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cáp Tiên, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
972.	Phạm Thanh Tú	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
973.	Trần Thị Hoa Lan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 171, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
974.	Ngô Thị Phúc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 173, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

975.	Đặng Thị Uyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 172, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
976.	Nguyễn Hữu Anh	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
977.	Cao Thế Tùng	Đại úy	Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
978.	Trần Thị Trang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
979.	Hàn Văn Mừng	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
980.	Nhữ Duy Nhanh	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
981.	Nguyễn Thị Thủy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
982.	Hà Văn Lợi	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
983.	Nguyễn Đức Tính	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
984.	Phạm Văn Thanh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
985.	Phan Ngọc Toàn	Đại úy	Đại đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định





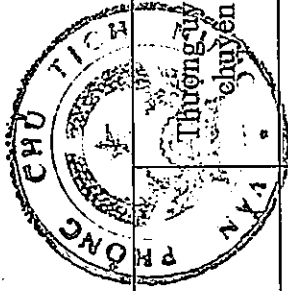
986.	Trịnh Văn An	Đại úy	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
987.	Nguyễn Tôn Văn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
988.	Nguyễn Hoành Đạt	Đại úy	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
989.	Trần Đình Năng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 22, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
990.	Đỗ Minh Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quý, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
991.	Phạm Văn Cường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
992.	Nguyễn Văn Cường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
993.	Hoàng Anh Huy	Đại úy	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
994.	Trần Văn Thanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 28, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
995.	Nguyễn Tất Phúc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
996.	Thái Văn Bằng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị Trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An



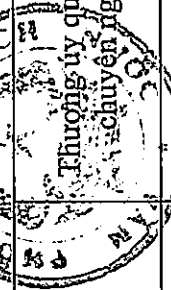
997.	Ngô Xuân Linh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đũa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
998.	Đoàn Đình Thăng	Đại úy	Trạm bên 3, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
999.	Nguyễn Thành Chung	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 1, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
1000.	Hoàng Văn Phú	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 3, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Thắng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
1001.	Bùi Thế Việt	Đại úy	Trạm bên 3, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
1002.	Trương Mậu Nguyễn	Đại úy	Trạm bên 2, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
1003.	An Văn Giới	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
1004.	Nguyễn Minh Thái	Thiếu tá	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
1005.	Tô Toàn Đức	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

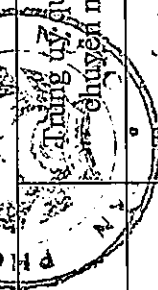
1006.	Bùi Văn Mạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1007.	Nguyễn Hồng Sáng	Đại úy	Ban trinh sát, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Trì, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
1008.	Lê Đình Dũng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Đo lường, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
1009.	Nguyễn Văn Chanh	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
1010.	Lại Văn Tiến	Trung tá	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
1011.	Nguyễn Hải Thanh	Thiếu tá	Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
1012.	Hoàng Văn Tuy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 185, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
1013.	Nguyễn Đình Hiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
1014.	Hoàng Minh Dương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 184, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
1015.	Trần Văn Thái	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

1016.	Phạm Tuấn Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
1017.	Nguyễn Tất Thắng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cáp Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
1018.	Trần Quang Liêm	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
1019.	Nguyễn Trung Đoàn	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
1020.	Phạm Văn Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Bộ phận Hậu cần, Tiểu đoàn 75, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1021.	Đào Văn Nguyễn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
1022.	Nguyễn Văn Tuấn	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Sơn, Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
1023.	Lê Văn Mạnh	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
1024.	Đào Văn Nam	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 71, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
1025.	Nguyễn Văn Luyện	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 72, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

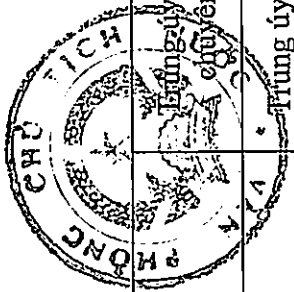


1026.	Phạm Bá Thành	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Đông, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
1027.	Nguyễn Anh Quang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lâm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
1028.	Đoàn Văn Phước	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 73, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
1029.	Nguyễn Tuấn Anh	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
1030.	Nguyễn Bá Trí	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
1031.	Nguyễn Ngọc Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 82, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
1032.	Vũ Văn Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
1033.	Quán Minh Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
1034.	Lê Hải Ninh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

1035.	Phạm Sỹ Viên	 Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 85, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
1036.	Trần Văn Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
1037.	Nguyễn Bá Phú	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
1038.	Hoàng Văn Chính	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
1039.	Bùi Quốc Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
1040.	Trương Văn Cường	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
1041.	Đặng Văn Linh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
1042.	Trần Xuân Giáp	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiến Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
1043.	Vũ Trọng Dương	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
1044.	Đoàn Quang Nam	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

1045.	Nguyễn Văn Dũng	 Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
1046.	Thái Hữu Thịnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
1047.	Nguyễn Xuân Huấn	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
1048.	Quách Đình Tiến	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1049.	Trần Xuân Dương	Thiếu tá	Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
1050.	Trần Đại Ngr	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lộc Hà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
1051.	Nguyễn Thanh Thuyết	Thiếu tá	Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
1052.	Dương Văn Thủy	Đại úy	Kíp trưởng, Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
1053.	Hoàng Văn Duy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
1054.	Vũ Đình Cường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

1055.	Trần Mạnh Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
1056.	Lê Văn Thuần	Đại úy	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1057.	Nguyễn Văn Duyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đồng Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1058.	Nguyễn Đình Châu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
1059.	Phạm Văn Quyết	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
1060.	Vũ Duy Đoàn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 22, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
1061.	Trần Châu Tiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 22, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
1062.	Lê Hồng Thao	Thiếu tá	Trạm Ra đa 22, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
1063.	Nguyễn Tuấn Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
1064.	Nguyễn Thị Trinh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
1065.	Trần Văn Chung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình



1066.	Vũ Văn Vương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
1067.	Vũ Văn Quý	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
1068.	Ngô Đại Vang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
1069.	Trần Huy Miên	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
1070.	Nguyễn Văn Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
1071.	Nguyễn Đình Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
1072.	Ngô Khắc Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
1073.	Nguyễn Văn Quý	Đại úy	Trạm Ra đa 45, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
1074.	Đào Văn Giáp	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 1, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
1075.	Quách Văn Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 1, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội



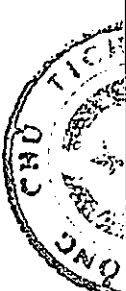
1076.	Nguyễn Văn Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 1, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Sơn, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
1077.	Phạm Quang Đoàn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 3, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
1078.	Nguyễn Văn Khương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 3, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
1079.	Trần Xuân Hoàn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
1080.	Phạm Hoài Nam	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 2, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Bò, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
1081.	Vũ Văn Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 2, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
1082.	Phí Văn Thạch	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm bên 2, Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
1083.	Tạ Đình Lâm	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
1084.	Nguyễn Thị Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quán chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

1085.	Tống Thị Hiền	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 123, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
1086.	Mai Thị Hà	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 123, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
1087.	Nguyễn Văn Linh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 124, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
1088.	Nguyễn Đức Thật	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
1089.	Nguyễn Thị Huệ	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 125, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
1090.	Trịnh Thị Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
1091.	Nguyễn Văn Hương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
1092.	Nguyễn Thị Quyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1093.	Nguyễn Thị Toan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1094.	Nguyễn Thị Nga	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

1095.	Nguyễn Thị Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
1096.	Vũ Tiến Thừa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
1097.	Đình Vàng Thắng	Đại úy	Đại đội 10, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
1098.	Nguyễn Thị Ngọc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1099.	Đỗ Thị Nguyệt	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
1100.	Nguyễn Văn Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
1101.	Đình Thị Sang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Giang, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
1102.	Lê Xuân Dương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
1103.	Trần Danh Quang	Đại úy	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
1104.	Hoàng Thị Hạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1105.	Ngô Thị Thanh Nhã	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

1106.	Phạm Thị Oanh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1107.	Hoàng Thị Hợp	Trưởng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1108.	Khuất Thị Huyền	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trung Sơn Trám, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
1109.	Nguyễn Văn Giáp	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 122, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1110.	Trần Ngọc Vương	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
1111.	Lê Văn Chính	Đại úy	Phó Ban Chính trị, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
1112.	Nguyễn Văn Chính	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
1113.	Đỗ Ngọc Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
1114.	Nguyễn Đắc Lợi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
1115.	Nguyễn Hữu Ban	Thiếu tá	Tiểu đoàn 123, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

1116.	Nguyễn Ngọc Hiếu	Thượng úy, quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 123, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
1117.	Nguyễn Tu An	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 124, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
1118.	Nông Văn Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 124, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1119.	Nguyễn Thế Vinh	Đại úy	Tiểu đoàn 125, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Hội, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
1120.	Ngô Vi Tiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 125, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tri Trung, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
1121.	Bùi Xuân Mạnh	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
1122.	Dương Đăng Bình	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
1123.	Đặng Ngọc Thạch	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Luân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1124.	Lê Văn Minh	Thượng úy	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

1125.	Đoàn Thành Trung	 Trưởng ủy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
1126.	Đặng Thế Nam	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
1127.	Nguyễn Văn Đông	Thiếu tá	Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
1128.	Lê Hữu Hiền	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
1129.	Đào Văn Quyết	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng quân - Không quân	Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1130.	Lê Tiến Sinh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
1131.	Trần Quốc Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
1132.	Nguyễn Quang Chuyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 4, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
1133.	Dương Văn Đài	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 4, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
1134.	Lâm Thành Thảo	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1135.	Hoàng Xuân Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

1136.	Hoàng Đình Bắc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
1137.	Phạm Huy Hoàng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Liên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
1138.	Lê Minh Quyết	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1139.	Vũ Văn Liêm	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
1140.	Nguyễn Đại Phú	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tây Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
1141.	Nguyễn Văn Huân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1142.	Hoàng Văn Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1143.	Lương Việt Anh	Thiếu tá	Trạm Ra đa 16, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1144.	Lương Chí Nguyễn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
1145.	Nguyễn Tiến Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
1146.	Phạm Văn Hoàn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

1147.	Nguyễn Văn Lực	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1148.	Kiều Văn Toàn	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
1149.	Nguyễn Văn Bé	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
1150.	Trần Xuân Quý	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
1151.	Lê Công Huy	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
1152.	Phạm Viết Có	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
1153.	Đỗ Thành Nam	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
1154.	Lưu Hùng Cường	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
1155.	Hoàng Minh Hưng	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
1156.	Lê Xuân Luận	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1157.	Nguyễn Văn Lộc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình



1158.	Phan Đình Toán	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đũa 16, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
1159.	Nguyễn Minh Tuấn	Thiếu tá	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
1160.	Mạc Xuân Thành	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
1161.	Phạm Thanh Hà	Thiếu tá	Ban Trinh sát, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
1162.	Nguyễn Trường Sang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
1163.	Khuất Quang Thiệu	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trung Sơn Trám, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
1164.	Nguyễn Danh Tình	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
1165.	Đình Thế Lực	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
1166.	Vũ Văn Tiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
1167.	Nguyễn Đình Hợp	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

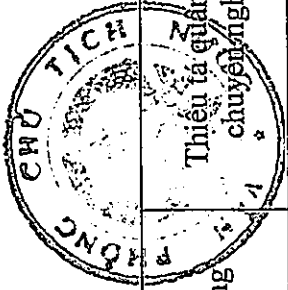
1168.	Lê Bá Định	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1169.	Phạm Hồng Nghiệp	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
1170.	Lê Đức Dũng	Đại úy	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
1171.	Đặng Hữu Quán	Đại úy	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Phú, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
1172.	Đặng Ngọc Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 9, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
1173.	Lê Xuân Báo	Đại úy	Đại đội 9, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
1174.	Trần Văn Hoàng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 9, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1175.	Vũ Hồng Long	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Đo lường, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
1176.	Phạm Duy Cường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Đo lường, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
1177.	Đoàn Văn Chang	Đại úy	Ban Tổ chức, Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
1178.	Trần Ngọc Trung	Đại úy	Phòng Chính trị, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

1179.	Nguyễn Văn Nước	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
1180.	Đoàn Văn Sơn	Trưởng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 4, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1181.	Phạm Trung Cảnh	Đại úy	Ban Tổ chức, Phòng Chính trị, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1182.	Nguyễn Thị Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
1183.	Nguyễn Thành Luân	Đại úy	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
1184.	Hồ Xuân Thọ	Thiếu tá	Bảo vệ an ninh, Phòng Chính trị, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Biên Giang, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
1185.	Nguyễn Trung Hữu	Thiếu tá	Ban Kế hoạch, Phòng Quân huấn, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quyết Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
1186.	Nguyễn Minh Hải	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin sở chỉ huy, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1187.	Đỗ Ngọc Ba	Đại úy	Ban Công binh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
1188.	Nguyễn Văn Mừng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Khí tượng, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1189.	Trần Xuân Kiệt	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

1190.	Luyện Huy Quỳnh	Thiếu tá	Ban Tác chiến, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
1191.	Nguyễn Công Nghĩa	Đại úy	Ban Vô tuyến điện tử, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
1192.	Nguyễn Việt Tiến	Thiếu tá	Ban Xăng dầu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
1193.	Hoàng Như Yên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
1194.	Phạm Trọng Việt	Thiếu tá	Ban Quân nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Thanh, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
1195.	Trần Thị Thái	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
1196.	Phạm Kim Anh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
1197.	Nguyễn Thị Hồng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
1198.	Đình Thị Hoa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
1199.	Nguyễn Duy Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
1200.	Nguyễn Minh Duyệt	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

1201.	Đặng Thế Đắc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
1202.	Nguyễn Quang Linh	Đại úy	Đại đội Thông tin, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
1203.	Nguyễn Duy Tuấn	Đại úy	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
1204.	Bùi Trọng Quyết	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
1205.	Nguyễn Văn Tuấn	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
1206.	Bùi Văn Trung	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
1207.	Nguyễn Thăng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1208.	Nguyễn Văn Thiệu	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
1209.	Hà Minh Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
1210.	Tô Thị Thanh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

1211.	Đào Thị Thanh Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
1212.	Nguyễn Ngọc Hiến	Đại úy	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
1213.	Nguyễn Thị Xuyên	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
1214.	Trần Khánh Nam	Đại úy	Tham mưu kế hoạch, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
1215.	Nguyễn Thị Kim Lý	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
1216.	Đinh Thị Hiến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
1217.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Lâm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
1218.	Hoàng Thị Liên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Hoà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình



1219.	Kiều Đức Minh	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
1220.	Trần Thị Hạnh	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban chính trị, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
1221.	Lê Xuân Tình	Đại úy	Tham mưu kế hoạch, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
1222.	Vương Văn Vượng	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
1223.	Đỗ Hưng Ngọc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
1224.	Chu Thái Công	Đại úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
1225.	Cao Văn Thế	Đại úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trực Hưng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
1226.	Nguyễn Thị Hiền	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
1227.	Lưu Thị Loan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
1228.	Trần Thị Hà	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lĩnh, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
1229.	Ứng Nguyên Sơn	Thiếu tá	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

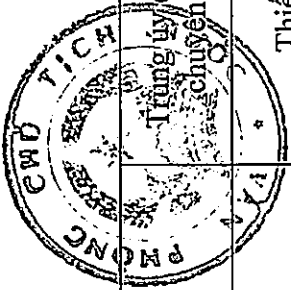
1230.	Đoàn Anh Tuấn	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
1231.	Bùi Thế Hiệp	Đại úy	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
1232.	Phạm Chí Công	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
1233.	Đào Tuấn Anh	Đại úy	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
1234.	Đoàn Thái Sơn	Đại úy	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
1235.	Nguyễn Thanh Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
1236.	Đình Công Thức	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

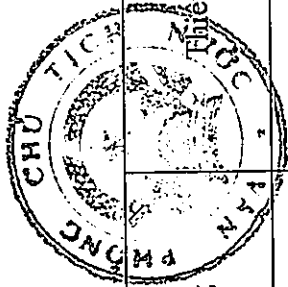


1237.	Đinh Thị Dung	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
1238.	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
1239.	Nguyễn Thị Hoa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
1240.	Nguyễn Thị Phương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
1241.	Nguyễn Thị Toàn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
1242.	Trần Thị Lan Hương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
1243.	Trương Thị Nga	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
1244.	Lê Thị Kim Thoa	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

1245.	Đinh Thị Phương	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thủy, tỉnh Thái Bình
1246.	Nguyễn Chí Dương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
1247.	Doãn Văn Hùng	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
1248.	Đặng Thái Sơn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Lâm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
1249.	Vũ Trung Nghĩa	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam
1250.	Hoàng Trung Hiếu	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
1251.	Giang Cao Bá	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin ra đũa, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
1252.	Ngô Hoài Linh	Đại úy	Tiểu đoàn Thông tin ra đũa, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
1253.	Lưu Tuấn Hiệp	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

1254.	Lê Ngọc Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
1255.	Hà Việt Khương	Thiếu tá	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
1256.	Nguyễn Hồng Phúc	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
1257.	Nguyễn Văn Ba	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Y Can, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
1258.	Đoàn Hữu Mạnh	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
1259.	Vũ Thế Mạnh	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
1260.	Lê Thị Thu Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
1261.	Nguyễn Chung Dũng	Đại úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1262.	Nguyễn Trọng Vĩnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1263.	Vũ Trung Kiên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
1264.	Nguyễn Mạnh Hùng	Đại úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

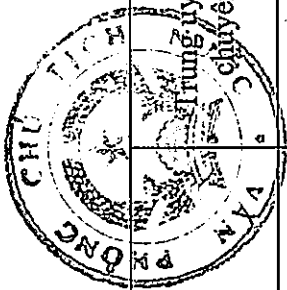




1265.	Phạm Thanh Tùng	Thiếu tá	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
1266.	Vũ Thị Loan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
1267.	Đỗ Thị Thủy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Kỹ thuật Hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
1268.	Đặng Anh Chiến	Đại úy	Đại đội Vệ binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
1269.	Phạm Anh Tuấn	Đại úy	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
1270.	Ngô Đăng Hoàng	Đại úy	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Điền Mỹ, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
1271.	Cao Bá Giáp	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Điền Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

1272.	Phạm Quyết Thắng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
1273.	Đặng Xuân Bắc	Phượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Chiếu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
1274.	Nguyễn Mạnh Cường	Đại úy	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
1275.	Phùng Tiến Quân	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1276.	Lê Văn Công	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1277.	Lê Văn Khánh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân huấn, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
1278.	Nguyễn Đình Kiên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1279.	Nguyễn Văn Điệp	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
1280.	Đỗ Đình Tiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1281.	Lê Đình Hải	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

1282.	Lê Đắc Đông	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Phương, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1283.	Hoàng Minh Dương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1284.	Nguyễn Văn Cừ	Đại úy	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1285.	Vũ Mạnh Thắng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
1286.	Trần Thanh Bình	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
1287.	Trần Anh Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
1288.	Nguyễn Thái Dũng	Đại úy	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
1289.	Phạm Văn Thuật	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
1290.	Lê Chí Linh	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Trạch, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa



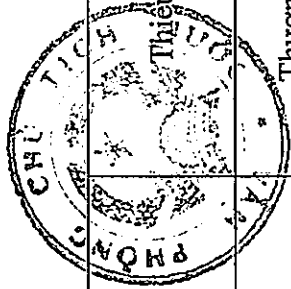
1291.	Lê Đức Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1292.	Phan Xuân Hải	Đại úy	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
1293.	Trần Việt Hùng	Thiếu tá	Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1294.	Nguyễn Đình Thảo	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 60, Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1295.	Lê Sỹ Nghị	Thượng úy	Đại đội Thông tin sở chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
1296.	Khương Thị Khuyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 60, Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1297.	Vũ Mạnh Hào	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Văn, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
1298.	Nguyễn Ngọc Hoàn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

1299.	Bùi Ngọc Huy	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
1300.	Đỗ Thị Tám	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1301.	Đỗ Quang Trung	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân huấn, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1302.	Nguyễn Trọng Tráng	Đại úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
1303.	Võ Công Quyết	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
1304.	Đoàn Đức Cường	Đại úy	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
1305.	Nguyễn Tuấn Triệu	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
1306.	Nguyễn Cao Linh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
1307.	Nguyễn Duy Hùng	Thiếu tá	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
1308.	Trần Văn Bình	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngự Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa



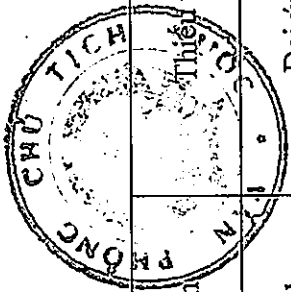
1309.	Nguyễn Cao Cường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
1310.	Đặng Đức Tú	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
1311.	Lê Văn Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
1312.	Trịnh Đức Cường	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
1313.	Nguyễn Ngọc Xi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Cắm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
1314.	Nguyễn Văn Thanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
1315.	Nguyễn Minh Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật Hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
1316.	Trịnh Khắc Lâm	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 60, Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
1317.	Phạm Văn Ngọc	Đại úy	Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

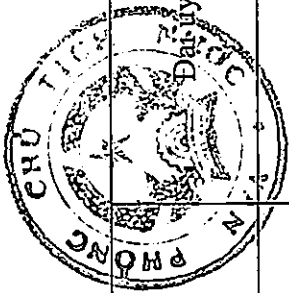
1318.	Nguyễn Thanh Hà	Đại úy	Trạm Ra đa 60, Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
1319.	Trịnh Khắc Tùng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
1320.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Tân Thành, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
1321.	Trần Viết Tú	Thiếu tá	Đại đội Vệ binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
1322.	Đỗ Thị Liên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1323.	Phạm Văn Nam	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Chính, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
1324.	Bùi Văn Minh	Đại úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
1325.	Nguyễn Văn Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân huấn, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh



1326.	Vũ Đức Đại	Thiếu tá	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1327.	Đỗ Xuân Được	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
1328.	Vũ Công Trung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
1329.	Vũ Văn Hiếu	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
1330.	Dương Việt Dũng	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
1331.	Phạm Văn Dự	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
1332.	Ninh Quang Tâm	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin sơ chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin ra đi, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1333.	Nguyễn Sỹ Tín	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin bảo đảm bay, Tiểu đoàn Thông tin ra đi, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
1334.	Lê Văn Vững	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đi 43, Tiểu đoàn Thông tin ra đi, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

1335.	Nguyễn Trọng Quân	Thiếu tá	Phó Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
1336.	Nguyễn Quang Minh	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
1337.	Phan Tiến Dũng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đòng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
1338.	Hoàng Văn Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1339.	Nguyễn Hữu Cường	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Minh, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
1340.	Ngô Văn Hiệu	Đại úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật Hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
1341.	Đào Tiến Thêu	Đại úy	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Kỹ thuật Hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
1342.	Hoàng Xuân Thành	Thượng úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
1343.	Lại Đức Tùng	Đại úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang



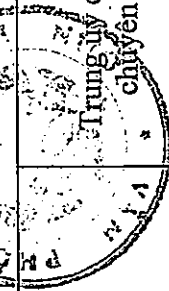


1344.	Nguyễn Văn Mạnh	Đại úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
1345.	Kiều Thị Chung	Công nhân viên chức quốc phòng	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
1346.	Nguyễn Văn Tám	Thiếu tá	Ban Quân huấn, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
1347.	Mê Văn Giang	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
1348.	Ngô Đình Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin sớ chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
1349.	Tạ Văn Biên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 43, Tiểu đoàn Thông tin ra đa, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
1350.	Bùi Văn Khiêm	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trục Chính, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
1351.	Nguyễn Đình Hưng	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
1352.	Nguyễn Văn Vương	Đại úy	Kho Phương tiện sắt thương, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

1353.	Nguyễn Thị Lượng	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đình Ké, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
1354.	Hoàng Thị Hải Yến	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sát thương, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
1355.	Lê Hoài Nam	Thiếu tá	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
1356.	Nguyễn Ngọc Luân	Đại úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
1357.	Đỗ Đình Lịch	Đại úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
1358.	Nguyễn Văn Việt	Đại úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
1359.	Trần Quyết	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
1360.	Trần Đăng Nga	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
1361.	Nguyễn Thanh Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn căn cứ Sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
1362.	Nguyễn Hữu Chí	Thiếu tá	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

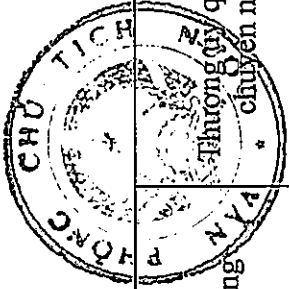


1363.	Nguyễn Phúc Tuấn		Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
1364.	Trần Văn Công	Đại úy	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ Sân bay Vinh, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
1365.	Hoàng Cao Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An - Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
1366.	Nguyễn Đình Chung	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp - Xăng dầu, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An - Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
1367.	Phạm Văn Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
1368.	Nguyễn Hải Hà	Đại úy	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
1369.	Nguyễn Văn Thông	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

1370.	Hoàng Thành	 Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
1371.	Phạm Khắc Hưng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Phục, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương
1372.	Nguyễn Tuấn Điệp	Đại úy	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An - Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
1373.	Nguyễn Văn Mạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
1374.	Phạm Văn Cường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
1375.	Hoàng Bảo Khánh	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
1376.	Nguyễn Thế Hiện	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình



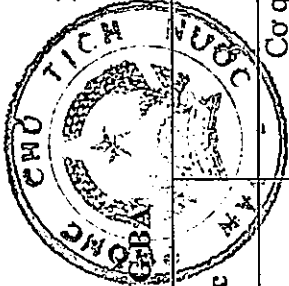
1377.	Hoàng Mạnh Thường	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Sân bay Cát Bi, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
1378.	Nguyễn Thành Phúc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
1379.	Nguyễn Quang Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Phạm, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
1380.	Dương Công Duẩn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa cảnh giới dẫn đường, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1381.	Nguyễn Thị Ngọc	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
1382.	Nguyễn Minh Dân	Đại úy	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
1383.	Triệu Tiến Thao	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
1384.	Nguyễn Khắc Lâm	Đại úy	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội



1385.	Đặng Văn Doanh	Thiếu tá	Kho Phương tiện sắt thương hàng không, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
1386.	Trần Văn Thắng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Phương tiện sắt thương hàng không, Tiểu đoàn căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
1387.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa cảnh giới dẫn đường, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
1388.	Nguyễn Văn Nam	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Huấn luyện, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
1389.	Cao Việt Cường	Đại úy	Đại đội 2, Tiểu đoàn Huấn luyện, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
1390.	Vũ Đình Tĩnh	Thiếu tá	Tiểu đoàn Huấn luyện, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
1391.	Nguyễn Thành Vinh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nà Sản, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Tiến, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ



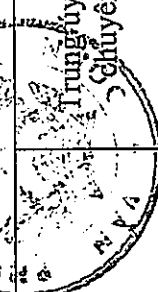
III. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VÊ VANG HẠNG BẢ



210

Số TT	Họ và tên	Cấp bậc	Đơn vị	Quê quán
1.	Lê Văn Hậu	Thượng úy	Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2, Phòng Điều tra hình sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
2.	Nguyễn Bá Đạt	Trung úy	Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3, Phòng Điều tra hình sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
3.	Đoàn Biên Cương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
4.	Đàm Văn Hùng	Thượng úy	Trạm 1, Cụm Trinh sát kỹ thuật 1, Trung tâm Trinh sát kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Nguyễn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
5.	Ngô Hồng Ngọc	Thượng úy	Ban Tham mưu - Kế hoạch, Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
6.	Trần Thị Ái	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu - Kế hoạch, Trung tâm Quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
7.	Lê Văn Phúc	Thượng úy	Đại đội Vệ binh 1, Tiểu đoàn Vệ binh, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

8.	Đỗ Thị Hồng Yên	Thương úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Đối Ngoại, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
9.	Phạm Văn Hiếu	Phiếu úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Phòng hóa 23, Phòng Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
10.	Vũ Đình Giang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Thông tin chỉ huy, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
11.	Nguyễn Thị Hương	Thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu cần - Hành chính, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
12.	Nguyễn Đắc Nam	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
13.	Trần Văn Đạt	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
14.	Nguyễn Văn Hải	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
15.	Phạm Hữu Diện	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
16.	Trần Văn Tá	Thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm khách 99, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

17.	Trần Ngọc Tân	 Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đoàn Thể thao, Phòng Quản huấn-Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
18.	Đỗ Trường Giang	Đại úy	Ban Công nghệ thông tin, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
19.	Đỗ Văn Thiện	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Mực tiêu bay, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
20.	Nguyễn Công Doanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng Ra đá, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
21.	Ngô Thị Mai Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch - Vật tư, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
22.	Vũ Đình Chương	Thượng úy	Ban Bản đồ, Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
23.	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Cứu hộ-Cứu nạn, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lê Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
24.	Lê Thị Nhân	Thượng úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
25.	Lê Thị Mai Lan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đội Dự báo khí tượng, Phòng Khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

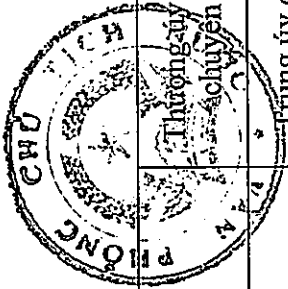
26.	Trịnh Văn Bắc	Đội úy	Phòng KCS, Nhà máy A40, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
27.	Nguyễn Trọng Hải	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Bản đồ, Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
28.	Nguyễn Thị La	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
29.	Nguyễn Văn Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
30.	Ngô Đình Huy	Đại úy	Phòng Khí tượng, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
31.	Nguyễn Huy Hoàng	Thiếu tá	Phòng Quân huấn-Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
32.	Lê Đức Trọng	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Thông tin, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
33.	Nguyễn Xuân Trọng	Trung tá	Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
34.	Lưu Thị Mai Lan	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
35.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tào Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
36.	Vũ Văn Nền	Thiếu tá	Phòng Quân báo, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

37.	Quách Thanh Nam	Thượng úy, quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hành chính - Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
38.	Trần Hoàng Long	Thượng úy	Viện kiểm sát Quân sự, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
39.	Trần Hồng Trường	Thiếu tá	Viện kiểm sát Quân sự, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
40.	Tạ Thị Thanh Mai	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Bảo tàng Phòng không-Không quân, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
41.	Đặng Thị Lan Hương	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Bảo tàng Phòng không-Không quân, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
42.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Bảo tàng Phòng không-Không quân, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
43.	Bùi Văn Tường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch-Hành chính, Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
44.	Phạm Ngọc Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch-Hành chính, Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
45.	Đỗ Thị Hương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần-Kỹ thuật, Đoàn An điều dưỡng 18, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

46.	Nguyễn Đức Học	Đại úy	Khoa Y học cổ truyền, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đình Trĩ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
47.	Lê Văn Quốc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa K14, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
48.	Nguyễn Chí Tĩnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Ngoại-Hồi sức cấp cứu, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
49.	Nguyễn Bá Tới	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
50.	Nông Xuân Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cao Thượng, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn
51.	Nguyễn Thị Ninh	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch tổng hợp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
52.	Vũ Thị Kim Thoa	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Nội-Bệnh nghề nghiệp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
53.	Lê Thị Cẩm	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

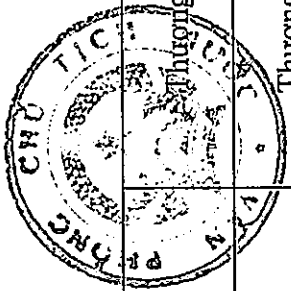


54.	Nguyễn Thị Linh	Thường ủy quản nhân chuyên nghiệp	Phòng Quản nhu, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
55.	Nguyễn Thị Tú Anh	Trung úy quản nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Trung, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
56.	Chu Văn Phú	Trung úy quản nhân chuyên nghiệp	Kho K14, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
57.	Nguyễn Việt Quán	Trung úy quản nhân chuyên nghiệp	Kho K14, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
58.	Mai Thị Hoa	Đại úy quản nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch tổng hợp, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
59.	Đỗ Thị Mai	Trung úy quản nhân chuyên nghiệp	Khoa Dược - Trang bị, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
60.	Phạm Thị Then	Trung úy quản nhân chuyên nghiệp	Khoa Xét nghiệm, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
61.	Nguyễn Thị Mai Hương	Trung úy quản nhân chuyên nghiệp	Ban Tài chính, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

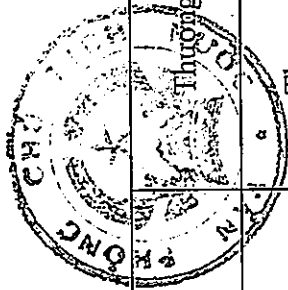


62.	Lê Công Chiến	Thượng úy	Đại đội 3, Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
63.	Nguyễn Văn Quý	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 577, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
64.	Nguyễn Khả Thương	Thượng úy	Trưởng Phân kho 2, Kho K14, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
65.	Lê Cẩm Linh	Đại úy	Khoa Khám bệnh, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Khê, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
66.	Hà Thị Huyền	Công nhân viên chức quốc phòng	Nhà trẻ Hoa Mai, Ban Hành chính-Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
67.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Hòa, huyện Ba Vi, thành phố Hà Nội
68.	Trương Quốc Chính	Thiếu tá	Phó Khoa Y học cơ truyền, Viện Y học Phòng không-Không quân, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
69.	Nguyễn Thị Lựa	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Chính trị, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
70.	Nguyễn Khắc Đạt	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tham mưu kế hoạch, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

71.	Dương Văn Lam		Phòng Máy bay động cơ, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
72.	Lỗ Ngọc Dịu	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Vật tư, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tự Lập, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
73.	Phạm Thị Thúy Hằng	Đại úy	Phòng Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
74.	Đình Quốc Phương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tương Lĩnh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
75.	Đỗ Thanh Tuấn	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
76.	Lê Viết Lam	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
77.	Lê Minh Quán	Thượng úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
78.	Lê Văn Trường	Thượng úy	Phân xưởng 3CY-23, PPK, Nhà máy A29, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
79.	Đình Viết Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 2, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
80.	Nguyễn Đình Sự	Đại úy	Phòng Kế hoạch, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Nghiệp, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương



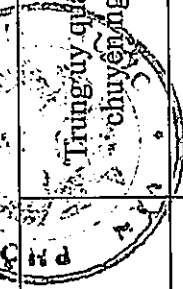
81.	Nguyễn Hữu Ngọc	Thượng úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
82.	Trần Bá Trường	Thượng úy	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
83.	Đỗ Văn Quân	Trung úy	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
84.	Lưu Hoàng Văn	Trung úy	Phân xưởng 1, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
85.	Bùi Đức Cảnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
86.	Nguyễn Dịch Linh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
87.	Đình Công Tuấn	Trung úy	Phân xưởng 2, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
88.	Tống Văn Vương	Trung úy	Phân xưởng 4, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
89.	Phan Minh Hoàng	Đại úy	Phân xưởng 4, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
90.	Nguyễn Văn Thuận	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
91.	Từ Anh Sơn	Thượng úy	Phân xưởng 8, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình



92.	Ngô Duy Đông	Thượng úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
93.	Ngô Đức Cường	Thượng úy	Ban Chính trị, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
94.	Nguyễn Văn Quân	Thượng úy	Ban Chính trị, Nhà máy A32, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
95.	Lê Thu Trang	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Tài chính, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
96.	Đỗ Ngọc Anh	Trung úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A34, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
97.	Hà Quang Huy	Đại úy	Phân xưởng 4, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
98.	Đặng Hoàng Minh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
99.	Lư Quang Toán	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 8, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
100.	Phan Thị Hằng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 9, Nhà máy A41, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
101.	Trịnh Hữu Toán	Thượng úy	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
102.	Nguyễn Mạnh Cẩm	Thượng úy	Phân xưởng 8, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quản chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

103.	Nguyễn Duy Tiến	Trung úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
104.	Nguyễn Hữu Lập	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 1, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
105.	Đình Ngọc Định	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 7, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Lâm, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
106.	Ngô Văn Thanh	Đại úy	Ban Chính trị, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
107.	Nguyễn Huy Hoan	Thượng úy	Phân xưởng 3, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
108.	Nguyễn Quyết Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
109.	Trương Hoài Thanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 3, Nhà máy A42, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
110.	Cù Văn Hợp	Thượng úy	Phân xưởng 5, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
111.	Vi Quang Hiệp	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân xưởng 5, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
112.	Vũ Đức Thao	Thượng úy	Phòng Cơ điện, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
113.	Trần Văn Thành	Đại úy	Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

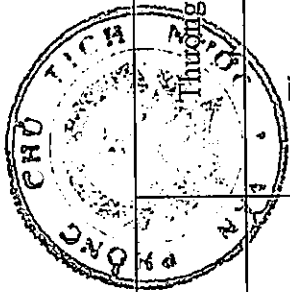
114.	Trần Văn Kỳ	Đại úy	Ban KCS, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
115.	Lưu Văn Tuấn	Thượng úy	Phòng Kỹ thuật, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
116.	Ứng Quốc Tín	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban KCS, Trung tâm Đo lường miền Bắc, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
117.	Trần Văn Đức	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
118.	Đoàn Quang Trung	Thượng úy	Ban Hậu cần, Kho K255, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
119.	Đình Văn Trọng	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
120.	Nguyễn Văn Hiền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K286, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
121.	Nguyễn Thi	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
122.	Nguyễn Duy Tuyên	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 31, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

123.	Nguyễn Ngọc Diệp	 Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Kho K312 Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
124.	Hà Văn Mùi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 1, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
125.	Nguyễn Minh Đức	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 11, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
126.	Nguyễn Thị Lự	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
127.	Trần Văn Thoát	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 3, Kho K312, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
128.	Nguyễn Minh Tuấn	Thượng úy	Ban Kế hoạch, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
129.	Nguyễn Tuấn Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
130.	Vũ Khắc Huấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K332, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
131.	Hà Thọ Kiên	Đại úy	Ban Chính trị, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
132.	Trần Việt Hồng	Đại úy	Phân kho 4, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa



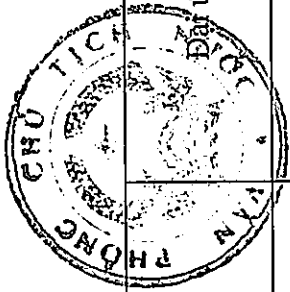
133.	Nguyễn Bá Huy	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
134.	Lê Đình Duẩn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K333, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
135.	Nguyễn Thị Lan	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kế hoạch, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lâm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
136.	Lê Văn Trung	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 2, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
137.	Đào Anh Thế	Đại úy	Ban Hậu cần, Kho K334, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
138.	Trần Văn Đức	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
139.	Trần Văn Tú	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phân kho 4, Kho K336, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
140.	Phan Thị Hằng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Quán huấn, Cục Phòng không Lục quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
141.	Trần Như Phong	Đại úy	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
142.	Đình Hoàng Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
143.	Phạm Thị Khánh Ly	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

144.	Nguyễn Bích Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
145.	Đình Quang Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
146.	Hoàng Văn Bình	Thượng úy	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
147.	Nguyễn Hữu Tân	Đại úy	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
148.	Nguyễn Việt An	Thượng úy	Ban Tên lửa, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
149.	Nguyễn Tiến Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Cây Xanh, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lễ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
150.	Đình Đại Đồng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Kho Hòa Sơn, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
151.	Nguyễn Tiến Tùng	Thượng úy	Đại đội 21, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đĩnh, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
152.	Hán Trường Sơn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
153.	Dương Văn Tùng	Đại úy	Bộ phận Tài chính, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh



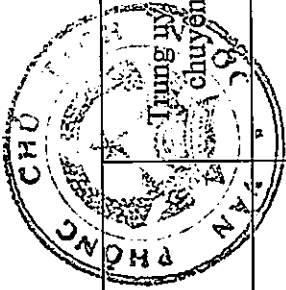
154.	Hoàng Thế Hưng	Thượng úy	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
155.	Nguyễn Văn Nghĩa	Thượng úy	Đại đội 16, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
156.	Phạm Thu Đông	Đại úy	Đại đội 26, Trung đoàn 218, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
157.	Vũ Minh Nhưong	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
158.	Nguyễn Văn Thắng	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 62, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
159.	Dương Chí Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 62, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
160.	Ngô Ngọc Tuấn	Đại úy	Tiểu đoàn 62, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
161.	Nguyễn Văn Chung	Đại úy	Đại đội 2, Tiểu đoàn 62, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
162.	Trần Duy Đức	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 65, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

163.	Nguyễn Văn Việt	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 65, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chu Phan, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
164.	Phạm Đức Tuyên	Thượng úy	Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
165.	Đỗ Thế Anh	Thượng úy	Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
166.	Đặng Tuấn Anh	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
167.	Nguyễn Văn Tuấn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 63, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Định, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
168.	Vũ Xuân Đường	Thượng úy	Đại đội 2, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
169.	Nguyễn Duy Hoàng	Thượng úy	Đại đội 2, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
170.	Nguyễn Cao Cường	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
171.	Đỗ Mạnh Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định



172.	Lê Thanh Lâm	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
173.	Đỗ Duy Thành	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
174.	Hà Công Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 61, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
175.	Nguyễn Mạnh Quyền	Thượng úy	Trợ lý Quân Chủng, Ban Chính trị, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
176.	Lê Xuân Trinh	Đại úy	Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
177.	Nguyễn Văn Thắng	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 155, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
178.	Phạm Ngọc Việt	Đại úy	Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
179.	Lê Văn Doãn	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
180.	Đình Công Tuấn	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình

181.	Đặng Văn Duẩn	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
182.	Lê Hữu Đạo	Thượng úy	Đại đội 2, Tiểu đoàn 151, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
183.	Lương Huy Trường	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 151, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
184.	Hoàng Như Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 80, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Tiến, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
185.	Phạm Danh Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 80, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
186.	Đặng Đình Bé	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
187.	Kiều Mạnh Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
188.	Trịnh Như Hà	Trung úy	Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
189.	Nguyễn Trung Dũng	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 77, Trung đoàn 257, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội



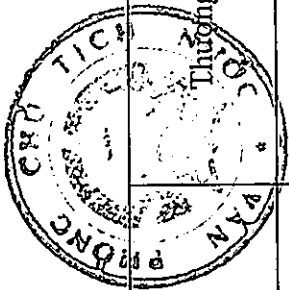
190.	Đình Chí Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
191.	Hoàng Văn Cường	Trung úy	Đại đội 10, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
192.	Nguyễn Văn Nhã	Thượng úy	Đại đội 3, Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
193.	Vũ Đức Mậu	Đại úy	Đại đội 3, Tiểu đoàn 172, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
194.	Nguyễn Văn Đạt	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
195.	Phạm Văn Hiệp	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
196.	Đặng Ngọc Tấn	Thượng úy	Đại đội 2, Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
197.	Ngô Văn Oai	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
198.	Nguyễn Trọng Dụng	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

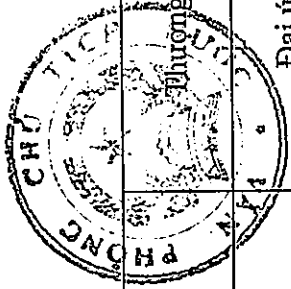
199.	Lê Hoài Bắc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
200.	Trần Đình Thịnh	Đại úy	Tiểu đoàn S300, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
201.	Triệu Thành Luân	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
202.	Nguyễn Đức Phong	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 64, Sư đoàn 361 Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
203.	Nguyễn Hoàng Long	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
204.	Nguyễn Quang Dũng	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
205.	Nguyễn Huy Chương	Đại úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lai Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
206.	Hoàng Văn Cung	Trung úy	Đại đội 73, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
207.	Trương Thị Kim Chi	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
208.	Vì Đức Tiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 72, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ



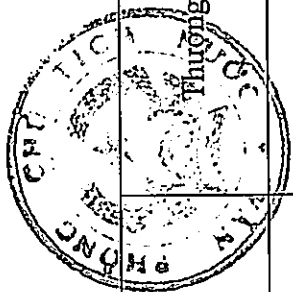
209.	Phạm Xuân Hiền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 280, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
210.	Trần Thị Mến	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân Nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
211.	Bùi Thị Minh Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
212.	Nguyễn Đình Tuấn	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Bệnh xá, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
213.	Chu Quang Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phòng Hậu Cần, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
214.	Lê Hữu Kiên	Thượng úy	Đại đội 4, Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
215.	Nguyễn Ngọc Quang	Thượng úy	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
216.	Vũ Thanh Tùng	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 184, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
217.	Nguyễn Văn Hiến	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 72, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
218.	Bùi Văn Thanh	Đại úy	Tiểu đoàn 72, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

219.	Nguyễn Viết Hải	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 75, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
220.	Đỗ Tiến Đạt	Thượng úy	Tiểu đoàn 75, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
221.	Nguyễn Tú Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
222.	Lưu Huyền Đức	Trung úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 81, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
223.	Bùi Minh Thành	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoa Động, huyện Thụy Nguyên, thành phố Hải Phòng
224.	Phạm Minh Thức	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
225.	Nguyễn Trường Giang	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 81, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
226.	Phạm Thế Đông	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 171, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
227.	Nguyễn Minh Đức	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 172, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
228.	Phùng Văn Nhất	Thượng úy	Đại đội 4, Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương





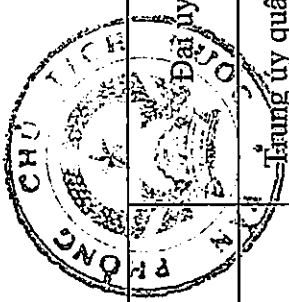
229.	Nguyễn Văn Đức	Thượng úy	Đại đội 23, Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
230.	Nguyễn Đức Huy	Đại úy	Đại đội 4, Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
231.	Ninh Văn Hà	Thượng úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
232.	Nguyễn Hữu Đạt	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nguyễn Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
233.	Lê Bá Quyết	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đũa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
234.	Nguyễn Thành Long	Thượng úy	Trạm Ra đũa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thanh Lạc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
235.	Đoàn Ngọc Tuấn Hùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đũa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
236.	Cù Duy Tuyền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
237.	Bùi Văn Mạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
238.	Nguyễn Đăng Tư	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Cầm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
239.	Phạm Văn Khanh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 11, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thợng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương



240.	Trương Văn Hải	Thượng úy	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
241.	Nguyễn Thế Thuận	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Duyệt Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
242.	Nguyễn Văn Hiến	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
243.	Đình Quang Mạnh	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
244.	Trần Văn Thái	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363 Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
245.	Nguyễn Trung Đoàn	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
246.	Nguyễn Văn Chanh	Thiếu tá	Ban Tham mưu, Trung đoàn 213, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
247.	Trịnh Công Cường	Thiếu tá	Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
248.	Đỗ Văn Thành	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 75, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
249.	Lưu Thế Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 71, Trung đoàn 285, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

250.	Nguyễn Thị Ngân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 81, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
251.	Nguyễn Văn Chính	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Chính, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương
252.	Đình Thị Lan	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
253.	Vũ Thị Chiên	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cường Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
254.	Võ Thị Thư	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 83, Trung đoàn 238, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
255.	Tống Đức Gia	Đại úy	Đại đội 172, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
256.	Đặng Thị Uyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 172, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
257.	Lê Toàn	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
258.	Nguyễn Bá Ngọc	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
259.	Đoàn Xuân Hải	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
260.	Lê Văn An	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 240, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lăng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

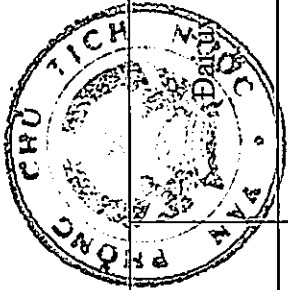
261.	Đào Đình Hiệp	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 4, Tiểu đoàn 105, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Trinh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
262.	Trần Thị Trang	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
263.	Phạm Văn Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
264.	Nguyễn Thị Thủy	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
265.	Phạm Văn Thuận	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
266.	Vũ Minh Đức	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hậu cần, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Đông, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
267.	Vũ Công Hoàng	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
268.	Vũ Hồng Quân	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
269.	Phạm Văn Luân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
270.	Trần Mạnh Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
271.	Cao Ngọc Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đũa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa



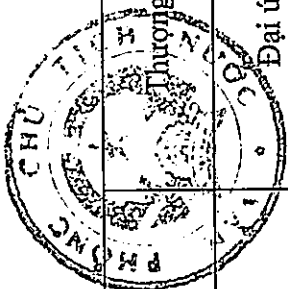
272.	Văn Đức Cường	Đại úy	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
273.	Ngô An Thành	Trưởng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Long, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
274.	Lê Anh Tĩnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 19, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Nguyễn Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
275.	Cao Thanh Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 25, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
276.	Lê Khắc Hùng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
277.	Trần Huy Miên	Trung tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 27, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
278.	Đình Quốc Đạt	Đại úy	Trạm Ra đa 28, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
279.	Trần Văn Trí	Đại úy	Tiểu đoàn 66, Trung đoàn 295, Sư đoàn 363, Quân chủng Phòng không- Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Xuân, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
280.	Phùng Văn Duy	Trung úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
281.	Lê Văn Nguyễn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
282.	Nguyễn Đức Khu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 10, Ban Tham mưu, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

283.	Đặng Anh Tuấn	Thượng úy	Ban Ra đũa, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lâm Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
284.	Trương Văn Đoàn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
285.	Lê Hùng Mạnh	Đại úy	Tiểu đoàn 122, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
286.	Ngô Đức Tuấn	Trung úy	Tiểu đoàn 122, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Hội, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên
287.	Đào Đình Bắc	Đại úy	Tiểu đoàn 122, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
288.	Nguyễn Văn Đắc	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
289.	Hà Thế Mạnh	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 123, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
290.	Nguyễn Ba Duy	Đại úy	Tiểu đoàn 123, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Hội, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên
291.	Trương Quốc Hải	Đại úy	Tiểu đoàn 123, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
292.	Bùi Thanh Bình	Đại úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 124, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa





293.	Nguyễn Thanh Bình	Đại đội 2, Tiểu đoàn 124, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
294.	Nguyễn Ngọc Hải	Tiểu đoàn 124, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
295.	Nguyễn Trường Giang	Tiểu đoàn 124, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tràng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
296.	Nguyễn Văn Trường	Đại đội 1, Tiểu đoàn 125, Trung đoàn 284, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
297.	Nguyễn Ngọc Cường	Ban Tham mưu, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
298.	Nguyễn Quang Mùi	Ban Chính trị, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Hóa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
299.	Bùi Thanh Tài	Đại đội 31, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
300.	Lại Hồng Quảng	Đại đội 31, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
301.	Hà Thế Vũ	Đại đội 4, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
302.	Hoàng Việt Năm	Đại đội 4, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang



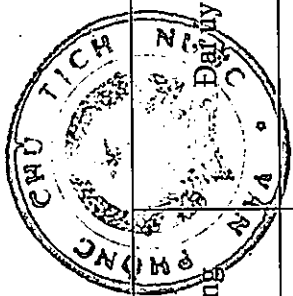
303.	Lê Nam Phong	Thượng úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
304.	Trịnh Văn Hình	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
305.	Nguyễn Văn Quang	Thượng úy	Đại đội 1, Tiểu đoàn 52, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
306.	Tạ Hữu Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 1, Tiểu đoàn 52, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
307.	Nguyễn Văn Quyết	Thượng úy	Trạm Ra đa 31, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
308.	Phạm Quốc Thắng	Thượng úy	Trạm Ra đa 31, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
309.	Nguyễn Phùng Hoàn	Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 31, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
310.	Lý Văn Toàn	Thượng úy	Trạm Ra đa 16, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bằng Hữu, huyện Chí Lăng, tỉnh Lạng Sơn
311.	Nguyễn Đức Lực	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 16, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
312.	Phạm Trung Hiếu	Đại úy	Trạm Ra đa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

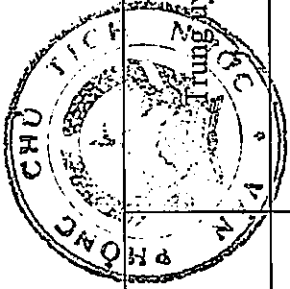
313.	Trần Văn Tâm	Đại úy	Trạm Ra đa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
314.	Lương Chí Nguyên	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kháng Chiến, huyện Trưng Định, tỉnh Lạng Sơn
315.	Nguyễn Tiến Dũng	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa 59, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
316.	Nguyễn Anh Tuấn	Thượng úy	Trạm Ra đa 61, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Hóa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
317.	Triệu Quang Thọ	Thượng úy	Trạm Ra đa 61, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
318.	Trần Văn Thế	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
319.	Lê Quốc Quán	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lương Lỗ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
320.	Tạ Văn Tâm	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Hoàng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
321.	Nguyễn Tất Phúc	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
322.	Trần Xuân Quý	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
323.	Đỗ Công Nguyên	Đại úy	Ban Hậu cần, Trung đoàn 291, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

324.	Nguyễn Văn Tú	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tác chiến, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
325.	Trần Văn Hùng	Đại úy	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
326.	Nguyễn Văn Bình	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 2, Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
327.	Nguyễn Duy Mạnh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn 10, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
328.	Lê Văn Hạnh	Đại úy	Ban Ra đa, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
329.	Phạm Khắc Hà	Thượng úy	Ban Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tri Trung, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
330.	Đỗ Văn Tuấn	Đại úy	Ban Quân huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
331.	Nguyễn Văn Hòa	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Hành chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
332.	Bùi Xuân Nguyễn	Đại úy	Đại đội 32, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
333.	Bùi Văn Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội 5, Trung đoàn 228, Sư đoàn 365, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

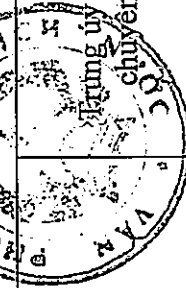
334.	Lê Nhật Anh	Thượng úy	Ban Bảo vệ an ninh, Phòng Chính trị, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
335.	Trần Đức Thắng	Đại úy	Ban Tác chiến, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
336.	Trần Ngọc Hiếu	Thượng úy	Ban Công binh, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
337.	Nguyễn Đình Đạt	Đại úy	Ban Tài chính, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
338.	Vương Sỹ Linh	Thượng úy	Ban Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
339.	Phan Thị Hương	Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
340.	Vũ Đình Trường	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
341.	Nguyễn Hữu Đức	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
342.	Lê Văn Lợi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Quân huấn, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vồng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
343.	Chu Văn Trọng	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Cường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
344.	Trần Mạnh Hưng	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

345.	Nguyễn Hoàng Dương	Đại úy	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
346.	Vũ Thanh Tùng	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
347.	Lê Huy Hoàng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
348.	Lê Thanh Huyền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Chính trị, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đại Cường, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
349.	Nguyễn Thành Luân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
350.	Nguyễn Minh Luân	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
351.	Lê Quang Vinh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
352.	Nguyễn Trung Hiếu	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xăng dầu, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội





353.	Nguyễn Thanh Long	Trung úy	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật, Trung đoàn 916, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
354.	Nguyễn Ngọc Sơn	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
355.	Trần Quỳnh	Trung úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
356.	Nguyễn Đình Nhi	Thượng úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
357.	Bùi Duy Tùng	Trung úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
358.	Ngô Văn Sơn	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
359.	Nguyễn Văn Hữu	Đại úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
360.	Nguyễn Văn Lượng	Trung úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
361.	Vũ Ngọc Chi	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

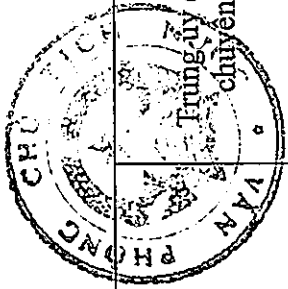
362.	Vũ Văn Tuấn	 <p>Trung úy quân nhân chuyên nghiệp</p>	<p>Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
363.	Đỗ Thế Anh	<p>Trung úy quân nhân chuyên nghiệp</p>	<p>Đại đội Thông tin bảo đảm bay, Tiểu đoàn Thông tin Ra đũa, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
364.	Hoàng Văn Trung	<p>Trung úy</p>	<p>Đại đội Thông tin chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin Ra đũa, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Lê Lợi, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
365.	Nguyễn Văn Hà	<p>Trung úy</p>	<p>Phi đội 1, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
366.	Trần Ngọc Duy	<p>Thượng úy</p>	<p>Phi đội 1, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
367.	Trần Thanh Phúc	<p>Thượng úy</p>	<p>Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
368.	Vũ Thanh Quân	<p>Trung úy quân nhân chuyên nghiệp</p>	<p>Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Tổng Trấn, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
369.	Nguyễn Văn Tuấn	<p>Trung úy quân nhân chuyên nghiệp</p>	<p>Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quán chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng</p>	Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

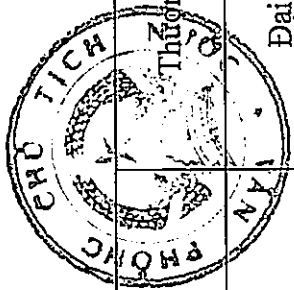


370.	Lê Tấn Truan	Đại úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
371.	Trần Thành Đạt	Đại úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
372.	Quách Mạnh Tân	Đại úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Gia Tường, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
373.	Hà Văn Đăng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Vĩ Thượng, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang
374.	Phùng Gia Nguyên	Thượng úy	Đại đội Xăng dầu, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phú Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
375.	Lê Ngọc Mạnh	Đại úy	Đại đội Thông tin chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
376.	Nguyễn Công Rin	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
377.	Nguyễn Văn Tiếp	Thượng úy,	Phi đội 2, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
378.	Trần Văn Thắng	Thượng úy	Ban Chính trị, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
379.	Nguyễn Thị Hà	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

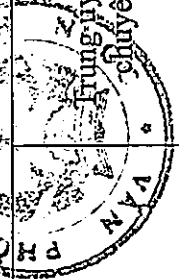
380.	Dương Quốc Huy	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
381.	Lê Đức Hùng	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
382.	Hà Xuân Tuấn	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
383.	Mai Văn Mạnh	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
384.	Mã Việt Hải	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
385.	Nguyễn Văn Khánh	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
386.	Nguyễn Tuấn Anh	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Cường, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
387.	Ngô Quang Ngọc	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
388.	Bùi Xuân Bách	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Tiểu đoàn Thông tin Ra đũa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

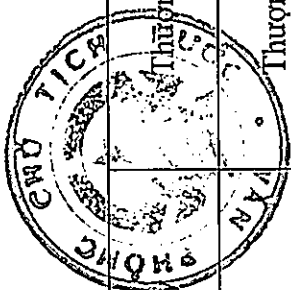
389.	Đỗ Thế Thắng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin sơ chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
390.	Nguyễn Đức Huân	Thượng úy	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
391.	Hoàng Ngọc Hùng	Thượng úy	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371 Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
392.	Vũ Nam Khánh	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
393.	Lê Đình Chính	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
394.	Lê Ngọc Cừ	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
395.	Nguyễn Văn Tùng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
396.	Nguyễn Như Dịch	Đại úy	Ban Kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
397.	Nguyễn Hữu Duy	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định






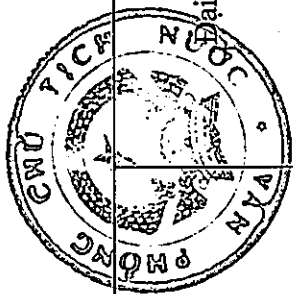
398.	Phạm Duy Từ	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
399.	Trịnh Hoài Long	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
400.	Bùi Xuân Diện	Trung úy	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
401.	Đặng Văn Quang	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
402.	Nguyễn Văn Bằng	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Hương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
403.	Đỗ Đức Tiến	Thượng úy	Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
404.	Lê Quốc Tài	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
405.	Hoàng Văn Tùng	Thượng úy	Đại đội Xe tổng hợp, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
406.	Lê Đình Toàn	Thượng úy	Trạm Ra đa 60, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

407.	Nguyễn Văn Hải	 Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin sở chỉ huy, Tiểu đoàn Thông tin Ra đũa, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
408.	Dương Ngọc Thành	Thượng úy	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
409.	Lưu Văn Năm	Thượng úy	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
410.	Hồ Sỹ Tú	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
411.	Lê Văn Huân	Thượng úy	Đại đội 1 Vệ binh, Tiểu đoàn Bảo đảm kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 923, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
412.	Mai Kỳ Ngoại	Thượng úy	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
413.	Nguyễn Gia Dũng	Thượng úy	Đại đội Công binh, Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình



414.	Nguyễn Đức Thùy	Thượng úy	Ban Quân huấn, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
415.	Lê Đình Thành	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
416.	Ngô Sách Huy	Đại úy	Xưởng Bảo dưỡng kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
417.	Hoàng Anh Phương	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Thông tin báo đảm bay, Tiểu đoàn Thông tin Ra đa, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
418.	Đông Xuân Hùng	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
419.	Nguyễn Văn Hưng	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Văn Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
420.	Phùng Văn Nghinh	Thượng úy	Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
421.	Cao Quốc Đại	Thượng úy	Ban Tham mưu, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
422.	Lê Văn Trọng	Đại úy	Tiểu đoàn Kỹ thuật hậu cần sân bay, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
423.	Đỗ Việt Cường	Đại úy	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

424.	Vũ Nguyễn Hùng Cường		Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
425.	Nguyễn Trung Hiếu	Thượng úy	Phi đội 2, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
426.	Nguyễn Văn Điền	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
427.	Phạm Khắc Hưng	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
428.	Đàm Văn Tuấn	Trung úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
429.	Nguyễn Trọng Hà	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
430.	Bùi Văn Lập	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
431.	Đỗ Sơn Hoàng	Thượng úy	Phi đội 1, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
432.	Bùi Trọng Thủy	Thượng úy	Ban kỹ thuật, Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Bình Định, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
433.	Vũ Kỳ Bảo	Thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An - Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình



434. Đỗ Tiến Tuấn	Đại úy	Trạm Ra đa cảnh giới dẫn đường, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
435. Lâm Văn Chiến	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Trạm Ra đa cảnh giới dẫn đường, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
436. Phạm Văn Song	Trung úy quân nhân chuyên nghiệp	Đại đội Sân bay Cát Bi, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Kiến An-Cát Bi, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
437. Nguyễn Văn Kiệt	Thượng úy	Trạm Ra đa cảnh giới dẫn đường, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
438. Nguyễn Anh Tú	Thượng úy	Đại đội Thông tin chỉ huy bảo đảm bay, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
439. Phan Hữu Luyện	Thượng úy	Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
440. Nguyễn Thành Chung	Đại úy	Đại đội Vệ binh - Công binh, Tiểu đoàn Căn cứ sân bay Nội Bài, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng	Xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội